



2013

www.cdbeco.com.vn

BẢO CÁO
THƯỜNG NIÊN

Sáng khoái cùng thời gian

TẦM NHÌN

Phát triển thương hiệu Chương Dương trở thành 1 trong 5 thương hiệu nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam với tiêu chí mức độ phổ biến của sản phẩm và mức độ yêu thích của người tiêu dùng.

SỨ MỆNH

- 🌱 Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm nước giải khát chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- 🌱 Mang lại lợi ích thiết thực cho Nhà nước, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
- 🌱 Bảo vệ người tiêu dùng thông qua hệ thống công nghệ được kiểm soát chặt chẽ, chung tay vì cộng đồng, bảo đảm môi trường.

MỤC TIÊU

- 🌱 Xây dựng chiến lược phát triển tổng thể đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.
- 🌱 Tái cấu trúc Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- 🌱 Đầu tư máy móc thiết bị, duy trì sản xuất nhà máy hiện có, khởi công xây dựng nhà máy hiện đại 50 triệu lít/năm giai đoạn 1.
- 🌱 Đầu tư xây dựng đội ngũ bán hàng. củng cố và phát triển hệ thống phân phối, tăng độ phủ của sản phẩm.
- 🌱 Đầu tư cho thị trường, gia tăng nhận biết thương hiệu, tái định vị thương hiệu Sà xị Chương Dương.
- 🌱 Giữ vững vị trí hàng đầu sản phẩm nước giải khát có gas hương Sà xị.
- 🌱 Đa dạng hóa sản phẩm có giá trị dinh dưỡng nhằm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.
- 🌱 Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và bộ quy tắc ứng xử.



THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ NĂM 2013, CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG ĐÃ ĐỀ RA. CÓ ĐƯỢC KẾT QUẢ NÀY LÀ NHỜ SỰ NỖ LỰC, QUYẾT TÂM CỦA TOÀN THỂ CBCNV, SỰ ỦNG HỘ CỦA BAN LÃNH ĐẠO TCT CP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN, CỦA QUÝ CỔ ĐÔNG, ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG. VỚI KẾT QUẢ TỐT ĐẸP ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013, CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG TỰ TIN CHO BƯỚC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2014 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO.



- 02 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Mục tiêu
- 04 Thông điệp của chủ tịch HĐQT

07 TỔNG QUAN CÔNG TY

- 09 Thông tin công ty
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Tổng quan về công ty
- 11 Ngành nghề kinh doanh
- 12 Mục tiêu, chiến lược của công ty
- 14 Sơ đồ tổ chức nhân sự
- 16 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Danh mục sản phẩm Chương Dương
- 26 Vị thế và năng lực cạnh tranh
- 28 Hệ thống nhà phân phối
- 30 Danh hiệu đạt được

31 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 32 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 38 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 44 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 48 Kế hoạch kinh doanh năm 2014

49 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 50 Chính sách đào tạo, tiền lương, thu nhập và các phúc lợi khác
- 52 Quan hệ cổ đông

53 MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

- 54 An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ)
- 56 Môi trường và bảo hộ lao động

59 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 62 Thông tin về doanh nghiệp
- 63 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 64 Báo cáo kiểm toán
- 66 Bảng cân đối kế toán
- 69 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 70 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 71 Thuyết minh báo cáo tài chính



TỔNG QUAN CÔNG TY

+20%
Sản lượng tiêu thụ đạt 34.394.947 lít tăng 20% so với năm 2012



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUƠNG DƯƠNG
Tên tiếng Anh:	CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CDBECO
Mã chứng khoán:	SCD
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX)
Quyết định thành lập:	số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp
Giấy đăng ký Kinh doanh:	số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 02/06/2004. Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 01/6/2013
Vốn điều lệ:	85.000.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ đồng)
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết:	8.500.000 cổ phiếu
Khối lượng đang lưu hành:	8.477.640 cổ phiếu (trong đó có 22.360 cổ phiếu quỹ)
Tổng số lao động tính đến 31/12/2013:	378 người

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Trụ sở chính:	606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (08) 3836.7518 - 3836.8747 Fax: (08) 3836.7176 Website: www.cdbeco.com.vn
Chi nhánh:	VITA: 577 Hùng Vương, P. 12, Quận 6, TP. HCM Gò Dầu: 4C Gò Dầu, Quận Tân Phú, TP. HCM

CỘT MỐC QUAN TRỌNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

2004

Nhà máy Nước giải khát Chương Dương chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương theo chủ trương thực hiện cổ phần hóa các công ty quốc doanh do Nhà nước quản lý.

2006



Chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 25/12/2006, cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (SCD) chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE).

Giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.

Khối lượng cổ phiếu niêm yết đầu tiên là 8.500.000 cổ phiếu.

2008

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương điều chỉnh hệ thống nhận diện thương hiệu đồng bộ, tạo điểm nhấn là đơn vị sản xuất Nước giải khát có quy mô lớn, uy tín, sản phẩm chất lượng. Đây là bước khởi đầu quan trọng cho chiến lược mở rộng thị trường và trở thành một trong những công ty sản xuất Nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam.



2012



Dấu ấn kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương. 18 năm liền được Người tiêu dùng tín nhiệm bình chọn danh hiệu *Hàng Việt Nam chất lượng cao* do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

2013

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh trước hạn và tiếp tục tăng 20% so với năm 2012 về sản lượng.



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Năm 1952

Tiền thân là nhà máy USINE BELGIQUE trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp Quốc). Từ năm 1952 đến trước năm 1975, là nhà máy sản xuất Nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

Năm 1977 - 1993

Tháng 07/1977 tập đoàn B.G.I chính thức chuyển nhượng quyền sở hữu và bàn giao toàn bộ nhà máy cho Nhà nước Việt Nam với tên gọi là Nhà máy Nước ngọt Chương Dương. Từ năm 1993 là Công ty Nước giải khát Chương Dương.

Năm 2003

Ngày 26/11/2003 được tổ chức TUV cấp chứng nhận ISO 9001:2000.
Ngày 06/12/2003 được tổ chức Quacert cấp chứng nhận ISO 9001:2000.

Năm 2010

Ngày 17/11/2010 được tổ chức Quacert cấp chứng nhận ISO 9001:2008.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ▲ Sản xuất, kinh doanh các loại đồ uống.
- ▲ Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến lĩnh vực đồ uống.
- ▲ Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Năm 2013, nhìn chung vẫn còn khó khăn đối với nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Riêng lĩnh vực thức uống có ghi nhận sự giảm tốc độ tăng trưởng nhưng riêng dòng sản phẩm không gas, có tính năng bổ dưỡng, làm đẹp lại có sự gia tăng và sẽ là cơ hội cho nhiều tập đoàn tiếp tục đầu tư khai thác và tái cơ cấu để chiếm lĩnh thị trường. Nhiều sản phẩm mới xuất hiện, đa dạng, phong phú, thực hiện chiến lược đại hạ giá trong một thời gian dài và tung nhiều chính sách hỗ trợ để kích thích khách hàng. Chính sự tăng trưởng tốt của thị trường nước giải khát tại Việt Nam nên một số doanh nghiệp sản xuất và chế biến gia vị đã quay sang đầu tư vào mặt hàng nước uống.

Theo các chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành

nước giải khát không cồn sẽ tiếp tục tăng và còn nhiều khoảng trống. Nhưng muốn đặt chân vào thị trường nước giải khát Việt Nam thì không dễ vì các nhà sản xuất lâu năm với tên tuổi đã có thị trường và kênh phân phối rộng khắp, các hãng này cũng mạnh tay chi cho việc quảng bá và giới thiệu sản phẩm.

Hướng tới năm 2014, tình hình kinh tế thế giới đang dần hồi phục, trong khi Việt Nam tiếp tục trải qua khó khăn, thách thức mới. Đặc biệt, các tập đoàn nước ngoài đã mạnh dạn đầu tư nhà máy sản xuất nước giải khát với công suất cao, đầu tư mạnh vào quảng bá thương hiệu, hình ảnh sản phẩm. Đây là một thách thức thực sự cho các công ty nước giải khát trong nước cũng như Chương Dương.

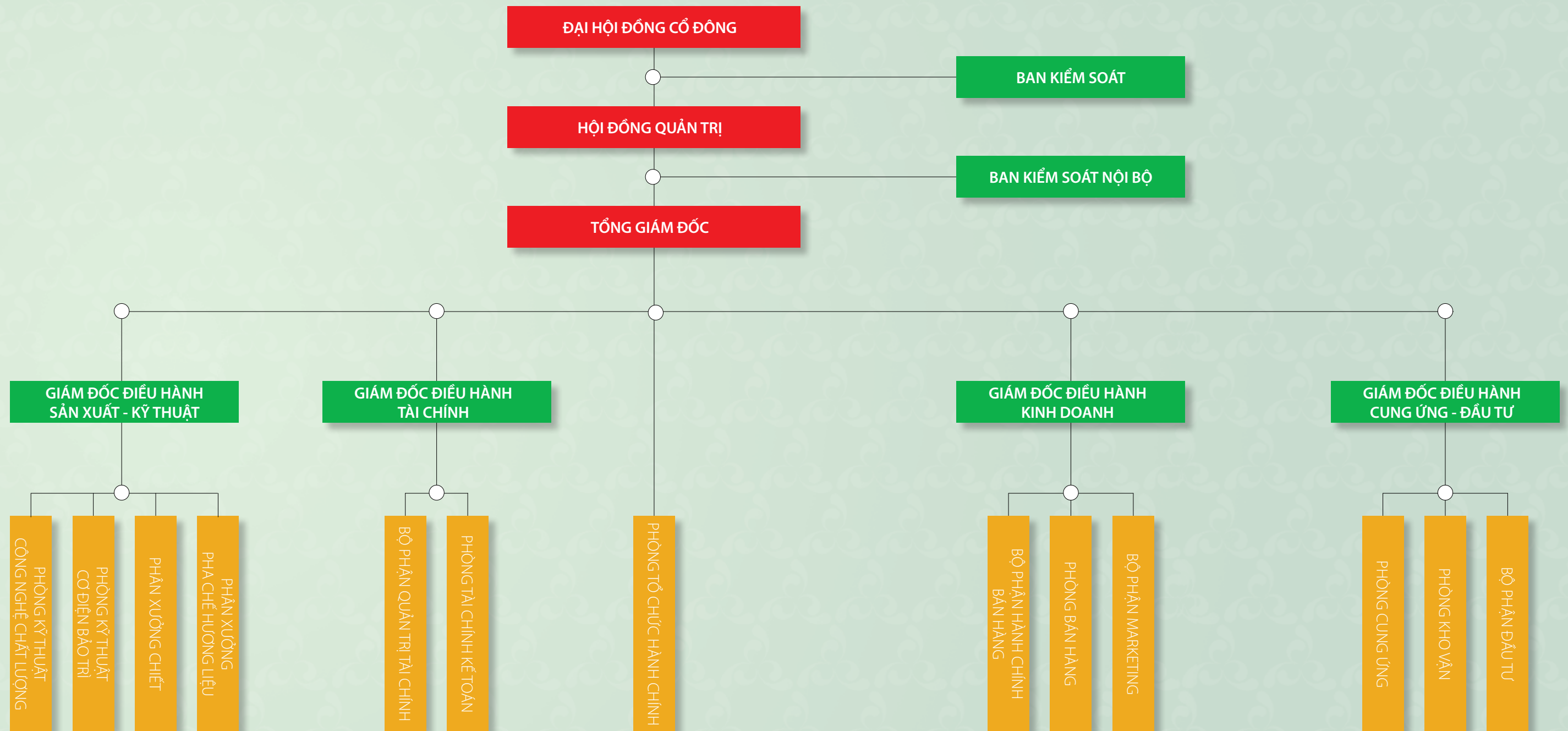


CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- Không cạnh tranh về giá, tránh đối đầu, hoạch định hướng đi riêng, tạo sự chắc chắn và ổn định.
- Giữ vững thương hiệu Chương Dương thông qua việc cải tiến mẫu mã bao bì, chất lượng sản phẩm và tạo uy tín, niềm tin đối với khách hàng qua cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng...
- Cam kết phải đảm bảo lợi ích kinh doanh cho khách hàng theo phương châm "cùng thắng", tạo sự bình ổn của thị trường và khu vực.
- Chuyển đổi sản phẩm Sà xị bao bì chai thủy tinh loại 230 ml sang bao bì chai thủy tinh loại dung tích 240 ml nhưng giá cả không đổi, tối thiểu 30% sản lượng Sà xị chai thủy tinh trong năm 2014 nhằm làm mới hình ảnh sản phẩm Sà xị.
- Mở hệ thống phân phối tiêu thụ sản phẩm nước tinh khiết Terrawa bình gallon dung tích 18,9 lít tại khu vực TP. Hồ Chí Minh.

MỤC TIÊU KINH DOANH

- Tăng trưởng sản lượng nước giải khát có gas bền vững và phát triển dòng sản phẩm không gas, dinh dưỡng.
- Thiết lập khu vực, hệ thống nhà phân phối, đánh giá từng khách hàng ký cam kết sản lượng, hợp đồng năm 2014, đảm bảo sự ổn định về hệ thống khách hàng và hoàn thành mục tiêu sản lượng kế hoạch phân đấu 35 triệu lít.
- Xây dựng giá bán sỉ, lẻ cho nhà phân phối nhằm đảm bảo sự ổn định và lợi nhuận của khách hàng khi kinh doanh sản phẩm Chương Dương.
- Hoàn thành hệ thống phân phối từ Đà Nẵng đến Cà Mau.
- Thiết lập kênh phân phối rộng, đa dạng hóa đối tượng tiêu dùng nhằm đảm bảo độ bao phủ và hiện diện của sản phẩm nước giải khát Chương Dương trên thị trường.
- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp để bổ sung lực lượng bán hàng còn thiếu nhằm đảm bảo việc hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **TRẦN ĐỨC HÒA**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- ▲ Năm sinh: 16/10/1959
- ▲ Từ năm 1997 - 2003: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty Bia Sài Gòn; Thường vụ Đảng ủy Công ty.
- ▲ Từ năm 2003 - 2008: Chánh Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn. Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.
- ▲ Từ năm 2008 - 2013: Giám đốc Điều hành Hành chánh - Pháp chế Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn. Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.
- ▲ Từ tháng 5/2013 cho đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương. Tháng 10/2013: Bí thư Đảng ủy Công ty.



Ông **HOÀNG CHÍ THÀNH**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

- ▲ Năm sinh: 18/08/1967
- ▲ Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Từ năm 1998 - 2003: Giám đốc Điều hành Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.
- ▲ Từ năm 2003 - 2004: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Bia Phú Yên.
- ▲ Từ năm 2005 - 2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
- ▲ Từ năm 2011 - 30/10/2012: Chuyên viên chiến lược Hội đồng Quản trị SABECO, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
- ▲ Từ tháng 11/2012 - đến nay: Giám đốc Điều hành phụ trách mảng nước giải khát và rượu; Đại diện Quản lý vốn của SABECO tại Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



Ông **VÕ VĂN THỌ**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

- ▲ Năm sinh: 16/08/1962
- ▲ Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.
- ▲ Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Từ năm 2007 - 2013: Phó Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.
- ▲ Từ tháng 5/2013 - đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị; Giám đốc Điều hành Cung ứng - Đầu tư Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



Ông **NGUYỄN THANH ĐỨC**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

- ▲ Năm sinh: 15/10/1976
- ▲ Tốt nghiệp Đại học Xã hội Nhân Văn Hà Nội.
- ▲ 2009 - 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Sài Gòn Á Châu.
- ▲ Từ tháng 8/2011 cho đến nay: Chuyên viên Thương hiệu - Thị trường Văn phòng Hội đồng Quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.



Ông **LÊ TUẤN**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

- ▲ Năm sinh: 18/12/1961
- ▲ Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Chủ tịch Hội đồng Quản trị các Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo Hiểm (VC Invest); Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy điện Nam Leng; Công ty Cổ phần ĐTPT Khu Đô thị biển Mũi Né - Marina.
- ▲ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Không gian ngầm.

GIỚI THIỆU

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **HOÀNG CHÍ THÀNH**
Tổng Giám đốc

- ▲ Năm sinh: 18/08/1967
- ▲ Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Từ năm 1998 - 2003: Giám đốc Điều hành Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.
- ▲ Từ năm 2003 - 2004: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Bia Phú Yên.
- ▲ Từ năm 2005 - 2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
- ▲ Từ năm 2011 - 30/10/2012: Chuyên viên chiến lược Hội đồng Quản trị SABECO, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
- ▲ Từ tháng 11/2012 - đến nay: Giám đốc Điều hành phụ trách mảng nước giải khát và rượu; Đại diện Quản lý vốn của SABECO tại Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



Ông **VÕ VĂN THỌ**
GD Điều hành Cung ứng - Đầu tư

- ▲ Năm sinh: 16/08/1962
- ▲ Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.
- ▲ Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Từ năm 2007 - 2013: Phó Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.
- ▲ Từ tháng 5/2013 - đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị; Giám đốc Điều hành Cung ứng - Đầu tư Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



Bà **NGUYỄN THÚY PHƯỢNG**
GD Điều hành Tài chính

- ▲ Năm sinh: 01/05/1976
- ▲ Trình độ học vấn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán; đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sau đại học.
- ▲ Tháng 10/1997: Kế toán - Nhà máy Rượu Bình Tây.
- ▲ Tháng 10/2006: Gia nhập Công ty CP NGK Chương Dương với chức danh Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán.
- ▲ Tháng 01/2007: Quyền Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.
- ▲ Từ tháng 12/2008: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.
- ▲ Từ tháng 4/2011 đến nay: Giám đốc Tài chính.



Bà **HUỲNH THỊ ÁNH NGUYỆT**
GD Điều hành Kinh doanh

- ▲ Năm sinh: 25/01/1975
- ▲ Trình độ học vấn: Cử nhân Khoa học ngành Quản trị Kinh doanh.
- ▲ Tháng 07/1998: Gia nhập Công ty NGK Chương Dương.
- ▲ Tháng 07/2004: Tổ trưởng Tổ Giám sát Công nợ.
- ▲ Tháng 02/2007: Trưởng Bộ phận Tiếp thị Thương mại.
- ▲ Tháng 08/2008: Quyền Trưởng BP Hành chính Bán hàng.
- ▲ Tháng 03/2013: Trợ lý TGD về kinh doanh.
- ▲ Tháng 09/2013: Giám đốc Điều hành Kinh doanh.



Ông **HOÀNG QUANG DŨNG**
GD Điều hành Sản xuất - Kỹ thuật

- ▲ Năm sinh: 02/01/1975
- ▲ Trình độ học vấn: Kỹ sư Điện - Điện tử trường ĐH Bách Khoa TP. HCM.
- ▲ Tháng 05/2001: Gia nhập Công ty NGK Chương Dương.
- ▲ Tháng 09/2002: Tổ trưởng Tổ sản xuất ca A máy IV thuộc PX Chiết.
- ▲ Tháng 06/2004: Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Cơ điện.
- ▲ Tháng 11/2006: Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.
- ▲ Tháng 02/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.
- ▲ Tháng 10/2011: Giám đốc Điều hành Sản xuất Kỹ thuật.

BAN KIỂM SOÁT



Ông **DƯƠNG CHÍ HÙNG**
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**
Ủy viên Ban Kiểm soát



Ông **LÝ MINH HOÀNG**
Ủy viên Ban Kiểm soát

- ♣ Năm sinh: 13/09/1976
- ♣ Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán.
- ♣ Từ tháng 6/2006 - 06/2008: Chuyên viên Phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).
- ♣ Từ tháng 6/2008 - 09/2009: Chuyên viên Ban Tài chính thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).
- ♣ Từ tháng 9/2009 - 12/2010: Chuyên viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị SABECO.
- ♣ Từ tháng 01/2011 - đến nay: Phó Trưởng phòng - Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị SABECO.

- ♣ Năm sinh: 20/01/1977
- ♣ Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.
- ♣ Năm 1999: Kế toán trưởng DNTN Công nghệ mới T&S, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Bảo hiểm Bảo Tín.
- ♣ Năm 2006 cho đến nay: Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo Hiểm; Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Không gian ngầm; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (từ năm 2011).

- ♣ Năm sinh: 02/04/1987
- ♣ Tốt nghiệp Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM - Chuyên ngành Tài chính - Kế toán.
- ♣ Năm 2011: Hoàn thành cấp bậc 2, Chứng chỉ Tài chính Đầu tư Chuyên nghiệp CFA cấp bởi Hiệp hội CFA Hoa Kỳ.
- ♣ Năm 2009: Gia nhập Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO), Phụ trách mảng Quản trị Tài chính Đầu tư - Ban Tài chính.
- ♣ Từ tháng 10/2012: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì Bìa Sài Gòn.
- ♣ Từ tháng 05/2013: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.





STT	Sản phẩm	Bao bì	Dung tích	Thành phẩm
1	Sả xì	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai Pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	230 ml	24 chai/két
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
2	Cam	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
3	Dâu	Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
4	Chanh	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
5	Bạc hà	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
6	Cream Soda	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
7	Soda Water	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai thủy tinh	270 ml	24 chai/két
8	Rượu nhẹ chanh tươi CHU - HI	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
9	Nước tinh khiết Terrawa	Chai pet	500 ml	24 chai/thùng
		Chai pet	350 ml	24 chai/ thùng
		Bình gallon	18,9 lít	

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS SẢ XÌ

Mô tả chung:

Sản phẩm truyền thống của Chương Dương là sản phẩm mang hương vị độc đáo của Việt Nam, được khách hàng rất ưa chuộng. Sản phẩm có thành phần quế và hồi, hỗ trợ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, làm ấm cơ thể.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương Sả xì tự nhiên và tổng hợp, màu caramen tự nhiên (150a), chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 110g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS CAM

Mô tả chung:

Là sản phẩm thân thuộc với người tiêu dùng với hương vị cam tươi mát, vị thơm ngon, giúp giải khát hiệu quả trong các hoạt động thường ngày.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương cam tự nhiên và tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: sunset yellow (110), chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 120g/l.

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS DÂU

Mô tả chung:

Là sản phẩm thân thuộc và phù hợp với phái nữ. Với hương vị dâu thơm ngon, sản phẩm không thể thiếu trong các buổi tiệc, họp mặt bạn bè.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương dâu tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: carmoisine (122), ponceau 4R (124), chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS CHANH

Mô tả chung:

Sản phẩm mang hương vị chanh đặc trưng, giúp giải khát cực nhanh. Tận hưởng cảm giác ngon hơn khi uống lạnh, giúp bạn sảng khoái để tiếp tục các hoạt động ngoài trời.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương chanh tổng hợp, chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS BẠC HÀ

Mô tả chung:

Tinh chất bạc hà the mát đã tạo nên nét đặc trưng của sản phẩm. Xuất hiện khá lâu và gần như là duy nhất trên thị trường nước giải khát.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương bạc hà tổng hợp, tinh dầu bạc hà 1%, màu thực phẩm tổng hợp: tartrazine (102), Brilliant blue (122), chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS CREAM SODA

Mô tả chung:

Với hương vị thơm ngon của kem tươi hòa quyện với soda, sản phẩm mang đến cảm giác mới lạ cho những ai lần đầu tiên thưởng thức.

Thành phần:

Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương cream soda tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: tartrazine (102), chất bảo quản: sodium benzoate (211). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 120g/l.

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS SODA

Mô tả chung:

Sản phẩm quen thuộc với vị đậm đà đặc trưng riêng, kết hợp chất gas CO₂ tinh khiết. Đặc biệt, dùng pha chế với chanh + đường, hoặc rượu để tạo nên những thức uống độc đáo theo khẩu vị riêng của mỗi người.

Thành phần:

Nước CO₂, Sodium Bicarbonate. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng CO₂ ≥ 6.8g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT F5 NHA ĐAM

Mô tả chung:

Là sản phẩm được sản xuất từ nước ép nha đam, không dùng phẩm màu và chất bảo quản, không gas giúp bổ sung vitamin C. Sản phẩm thích hợp cho phái nữ.

Thành phần:

Nước, đường (100g/l), nha đam (5%), chất chống oxy hóa: vitamin C (300), hương nha đam tự nhiên và tổng hợp, chất tạo chua: axit citric (330), chất ổn định: pectin (440). Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng đường 100g/l.

NƯỚC TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI TERRAWA

Mô tả chung:

Được khai thác từ nguồn nước ngầm qua xử lý bằng màng thẩm thấu ngược và thanh trùng bằng Ozon, UV cho ra sản phẩm giải khát tinh khiết.

Thành phần:

Nước uống có độ pH từ 6.5 - 8.5, tuân thủ theo đúng QCVN: 6-1:2010/ BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước uống đóng chai của Bộ Y tế.



VỊ THẾ
VÀ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH



THƯƠNG HIỆU CHƯƠNG DƯƠNG ĐÃ TỒN TẠI TRÊN THỊ TRƯỜNG HƠN 60 NĂM, CÓ MỘT LƯỢNG KHÁCH HÀNG LÂU NĂM, TÍN NHIỆM VÀ ƯA CHUỘNG SẢN PHẨM CHƯƠNG DƯƠNG TRONG SUỐT THỜI GIAN DÀI, ĐÂY LÀ VỊ THẾ RẤT TỐT ĐỂ DUY TRÌ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN.



- Thương hiệu Chương Dương đã tồn tại trên thị trường hơn 60 năm, có một lượng khách hàng lâu năm, tín nhiệm và ưa chuộng sản phẩm Chương Dương trong suốt thời gian dài, đây là vị thế rất tốt để duy trì ổn định và phát triển.
- Hệ thống phân phối khá ổn định, tâm huyết có sự gắn bó lâu dài với Chương Dương.
- Công ty đã chú trọng và gìn giữ thương hiệu Sà xị Chương Dương, dòng sản phẩm Sà xị đã ăn sâu vào tiềm thức người tiêu dùng Miền Nam - Việt Nam nên khó có sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại.
- Chính sách bán hàng ổn định, các chương trình hỗ trợ bán hàng không thường xuyên phù hợp với từng thời điểm đảm bảo sự kích cầu thị trường và hoàn thành chỉ tiêu doanh số từng tháng.
- Kênh bán lẻ và kênh khách hàng trọng điểm chưa được khai thác tối đa, cơ hội xâm nhập còn rất lớn.
- Uy tín về chất lượng sản phẩm Sà xị trên thị trường; tài chính rõ ràng, minh bạch và công khai; tuân thủ pháp luật... nên có thể mạnh trong việc thu hút sự quan tâm của khách hàng trong việc hợp tác kinh doanh.
- Khu vực kinh doanh sản phẩm nước giải khát Chương Dương vẫn còn trống nên sẽ còn nhiều tiềm năng và cơ hội để khai thác thị trường tại một số khu vực: Bắc Trung Bộ, Miền Tây - Sông Hậu.



HỆ THỐNG

NHÀ PHÂN PHỐI

▲ Năm 2013, Chương Dương đã đánh giá để củng cố, sắp xếp và quy hoạch lại hệ thống nhà phân phối tại các thị trường, khu vực, giảm thiểu chi phí quản lý, chi phí vận chuyển, cụ thể giảm 49 đại lý nhỏ và tăng quy mô nhà phân phối lớn thêm 15 nhà phân phối so với năm 2012. Hiện tại có 54 nhà phân phối và 129 đại lý khắp các tỉnh thành.

▲ Công ty đã có hệ thống phân phối sản phẩm trải dài từ Nam ra đến Bắc Trung Bộ. Nhà Phân phối lớn và thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Khu vực Miền Đông Nam Bộ là thị trường có nhiều tiềm năng để phát triển thị phần. Các khu vực Miền Trung, Tây

Nguyên và Miền Tây, hiện tại Công ty đã từng bước củng cố và phát triển hệ thống phân phối ở các khu vực tỉnh ngoài TP. Hồ Chí Minh.

▲ Cơ cấu lại bộ máy nhân sự kinh doanh để hoạt động bán hàng tại Nhà phân phối hiệu quả hơn, tạo độ phủ sản phẩm tốt hơn, tiết kiệm chi phí tiền lương nhưng tăng thu nhập cho nhân viên bán hàng trên sản lượng thực tế. Phân bổ chỉ tiêu sản lượng kế hoạch phù hợp nên cũng khích lệ đội ngũ nhân viên bán hàng hiệu quả hơn.

▲ Ứng dụng công nghệ định vị GPS để quản lý, kiểm soát nhân viên bán hàng. Công tác kiểm soát nhân viên thị trường tốt hơn.

▲ Thiết lập toàn bộ hệ thống phân phối, xây dựng nhà phân phối chuẩn đủ năng lực hoạt động để hợp tác với Chương Dương.

▲ Quy hoạch lại vùng, miền.

▲ Xây dựng, phát triển những khu vực còn trống (Miền Trung, Sông Hậu).

▲ Có chiến lược phát triển bền vững lâu dài, sản phẩm bao phủ rộng.

▲ Khai thác triệt để tiềm năng thị trường và cơ hội thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG LÀ THÀNH VIÊN CỦA:

- ▲ Hiệp hội Bia - Rượu - NGK Việt Nam trực thuộc Bộ Công thương
- ▲ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
- ▲ Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao



DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

- Năm 1996:** Huân chương Lao động Hạng III và Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp.
- Năm 1998:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công nghiệp.
- Năm 1999:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công nghiệp.
- Năm 2000:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công nghiệp.
- Năm 2001:** Bằng khen của Bộ Công nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào Văn hóa - Thể thao của Công đoàn Bộ Công nghiệp.
- Năm 2002:** Nhân dịp kỷ niệm 50 ngày thành lập Công ty 1952 - 2002, Công ty vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng II.
- Năm 2004:** Giấy khen của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác trong 5 năm (2000 - 2004).
- Năm 2006:** Huân chương Lao động Hạng I của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 - 2006.
- Năm 2007:** Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho đơn vị có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2005 - 2007.
- Năm 2008:** Cờ thi đua của Bộ Công thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2008.
- Năm 2010:** Bằng khen của Bộ Công thương cho đơn vị điển hình tiên tiến xuất sắc 5 năm (2005-2009).
- Năm 2013:** Cờ thi đua của Bộ Công thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013.
- Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong suốt 18 năm liền (1997 - 2014).**



BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

+27%

Tổng doanh thu đạt 436,46 tỷ, vượt 27% so với năm 2012



TỶ GIÁ ỔN ĐỊNH TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH ỔN ĐỊNH GIÁ CẢ, KHUYẾN KHÍCH XUẤT KHẨU.

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan tình hình kinh tế, xã hội... Việt Nam trong năm 2013:

"Nền kinh tế nói chung và ngành tài chính, ngân hàng Việt Nam trong năm 2013 vẫn còn nhiều sóng gió. Hệ thống tài chính, ngân hàng về cơ bản đã cơ cấu lại hàng loạt. Vì vậy so với năm 2012, hệ thống ngân hàng đã được cải thiện đáng kể với nhiều thành quả đáng ghi nhận. Những sự kiện nổi bật trong năm 2013 (lãi suất cho vay và lãi suất huy động, chỉ số giá cả, tỷ giá hối đoái, các thương vụ M&A lớn...) có thể nói làm cho bức tranh kinh tế Việt Nam 2013 trở nên sáng, hồng hơn".

Theo đó, mục tiêu của Chính phủ đề ra trong Nghị quyết 01 & 02 từ đầu năm 2013 đã thành công về: "Tăng cường

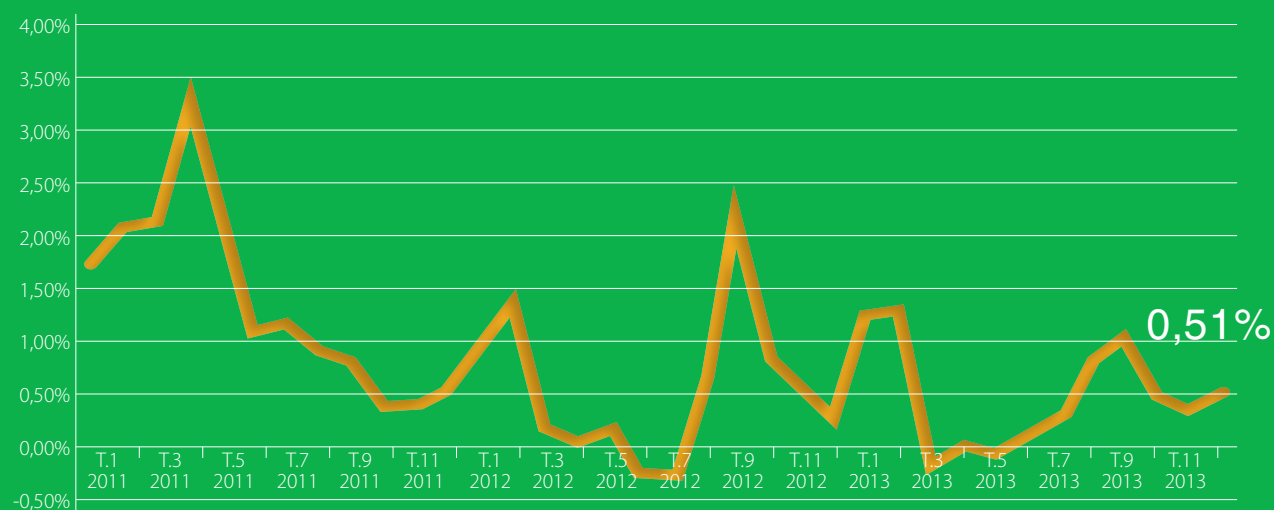
ổn định kinh tế vĩ mô; lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012. Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Tạo nền tảng phát triển vững chắc hơn cho những năm tiếp theo". Sự kiện nổi bật nhất có thể kể đến:

a) **Lãi suất thấp nhất từ năm 2005 đến nay, chỉ số CPI thấp nhất sau 10 năm gần đây:**

b) **Tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng vọt:**

Tỷ giá ổn định tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ổn định giá cả, khuyến khích xuất khẩu.

c) **Thị trường vàng bình ổn** đã đẩy lùi được tình trạng vàng hóa, đô la hóa, không còn cảnh người dân chen lấn xếp hàng mua vàng như trước đây, giúp cho nguồn vốn lưu thông trên thị trường, tạo cơ hội, điều kiện cho thị trường chứng khoán khởi sắc trở lại.



CPI CẢ NƯỚC QUA CÁC THÁNG TỪ NĂM 2011 - 2013



SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

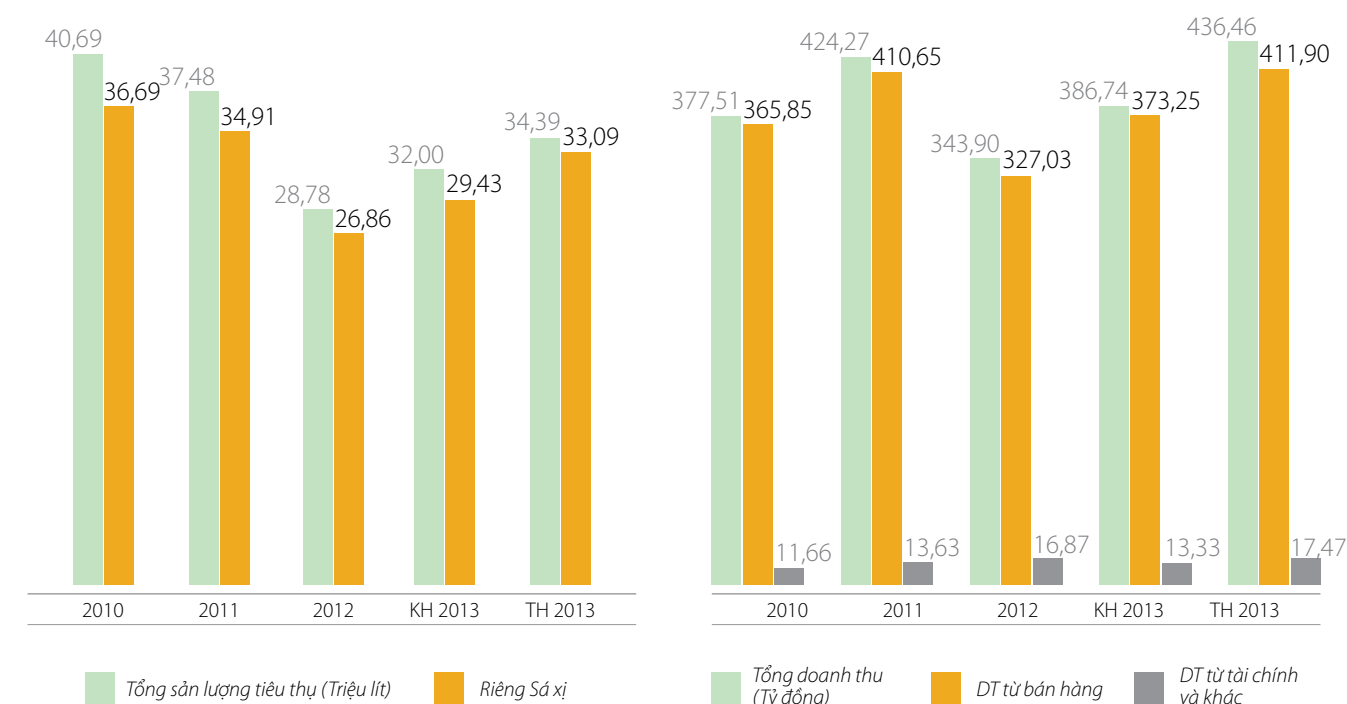
34,39

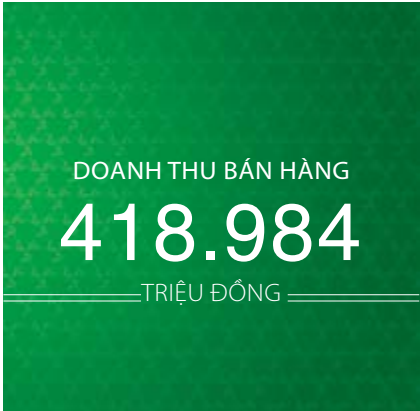
— TRIỆU LÍT —

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của CDBECO trong năm 2013:

Năm 2013, mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về thị trường tiêu thụ, chính sách thuế, môi trường... nhưng được sự quan tâm của Hội đồng Quản trị Công ty, sự nhiệt tình lao động của đa số cán bộ công nhân viên nên kết quả sản xuất kinh doanh đến cuối năm 2013 đã vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2013 giao và tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm 2012. Kết quả thực hiện năm 2013:

BIỂU ĐỒ VỀ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ VÀ DOANH SỐ BÁN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ:





BẢNG BIỂU CÁC CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2013	TH 2013	TH 13/12	TH 2013/ KH 2013
Sản lượng tiêu thụ (lít)	28.775.909	32.002.561	34.394.947	120%	107%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	333.989.749.640	373.407.017.540	418.983.869.655	125%	112%
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.958.762.350	154.357.400	7.085.837.509	102%	4,591%
Doanh thu thuần về BH & DV	327.030.987.290	373.252.660.140	411.898.032.146	126%	110%
Giá vốn hàng bán	241.428.052.008	272.668.284.132	298.168.198.831	124%	109%
Lợi nhuận gộp về BH & DV	85.602.935.282	100.584.376.008	113.729.833.315	133%	113%
Doanh thu hoạt động tài chính	15.258.657.273	11.130.754.431	13.071.886.924	86%	117%
Chi phí tài chính	49.972.185	-	47.765.390	96%	
Chi phí bán hàng	41.818.029.555	62.030.570.166	49.669.319.394	119%	80%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.538.115.346	35.155.217.107	37.267.394.659	135%	106%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	31.455.475.469	14.529.343.166	39.817.240.796	127%	274%
Thu nhập khác	1.613.471.194	2.200.000.000	4.400.532.347	273%	200%
Chi phí khác	19.461.321	-	6.390.520.964	32,837%	
Lợi nhuận khác	1.594.009.873	2.200.000.000	(1.989.988.617)	-125%	-90%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.049.485.342	16.729.343.166	37.827.252.179	114%	226%
Chi phí thuế hiện hành	7.975.155.623	4.182.335.792	11.607.090.540	146%	278%
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế	25.074.329.719	12.547.007.374	26.220.161.639	105%	209%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.958	1.480	3.093	105%	209%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15	9	9	60%	100%
Tổng doanh thu	343.903.115.757	386.737.771.971	436.456.288.926	127%	113%
Tổng chi phí	310.853.630.415	370.008.428.805	398.629.036.747	128%	108%
Tổng lợi nhuận	33.049.485.342	16.729.343.166	37.827.252.179	114%	225%
Trong đó lợi nhuận từ các HĐ:					
LN HĐ TC ***	15.208.685.088	11.130.754.431	13.024.121.534	86%	117%
SXC	16.246.790.381	3.398.588.735	26.793.119.262	165%	788%
Khác	1.594.009.873	2.200.000.000	(1.989.988.617)	-125%	-90%

ĐVT: VNĐ

Phân tích các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 so với kế hoạch năm 2013 và thực hiện cùng kỳ năm 2012:



Năm 2013, Công ty đã đạt được kết quả rất tốt so với kế hoạch năm 2013 đã xây dựng và tăng so với năm 2012 mặc dù vẫn còn đối mặt rất nhiều khó khăn.

Tuy thị trường nước giải khát cạnh tranh, sản phẩm của CDBECO không phải là sản phẩm thiết yếu nhưng Công ty đã rất cố gắng tìm các giải pháp để cho sản phẩm ra thị trường, hoàn thành sản lượng tiêu thụ kế hoạch năm 2013 từ ngày 13/12/2013. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 như bảng thống kê như trên và các chỉ tiêu trọng tâm đã đạt được như sau:

▲ Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2013 đạt 34.394.947 lít, đạt 107% so với kế hoạch năm 2013 và vượt 20% so với cùng kỳ năm 2012.

▲ Tổng doanh thu thực hiện năm 2013 đạt 436,45 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch năm 2013; vượt 27% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012. Trong đó:

● Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ thực hiện năm 2013 đạt 419 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch

năm 2013; và vượt 25% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012.

● Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện năm 2013 đạt 13 tỷ đồng, đạt 117% so với kế hoạch năm 2013 và giảm 14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 (nguyên nhân do lãi suất huy động giảm).

● Doanh thu khác năm 2013 thực hiện 4,4 tỷ đồng, đạt 200% so với kế hoạch năm 2013 và vượt 173% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 (do thu nhập từ bồi thường nhà kho chi nhánh Vĩnh Long).

▲ Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2013 đạt 37,83 tỷ đồng, vượt 125% so với kế hoạch năm 2013; vượt 14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012. Trong đó:



TỔNG DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2013 ĐẠT 436,45 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 113% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2013; VƯỢT 27% SO VỚI THỰC HIỆN CÙNG KỲ NĂM 2012.

● Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 đã cải thiện đáng kể, đạt 26 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng đến gần 71% trong tổng lợi nhuận, tăng 788% so với kế hoạch năm 2013 và vượt 65% so với cùng kỳ năm 2012.

● Lợi nhuận tài chính (lãi từ tiền gửi ngân hàng, thu cổ tức đầu tư, lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá) đạt 13 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35% trong tổng lợi nhuận, tăng 17% so với kế hoạch năm 2013 nhưng giảm 14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 do lãi suất huy động tiền gửi đã giảm sâu (mặc dù lượng tiền gửi tăng).

● Lợi nhuận khác lỗ 1,98 tỷ đồng là do tạm trích và ghi nhận chi phí 5,55 tỷ đồng thuế TNDN được hưởng ưu đãi năm 2010, 2011 sẽ phải nộp nếu bị cơ quan thuế quyết định xử lý truy thu chính thức sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại.



TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
37,83
TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ QUA CÁC NĂM

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2010	2011	2012	TH2013	KH2013
Tổng lợi nhuận trước thuế	31,25	30,02	33,05	37,83	16,73
Trong đó:					
LN HĐ TC ***	9,68	10,63	15,21	13,02	11,13
LN TC+LNK#	12,25	11,99	16,80	11,03	13,33
Sản xuất kinh doanh	19,00	18,03	16,25	26,80	3,40
Khác	2,57	1,36	1,59	(1,98)	2,20

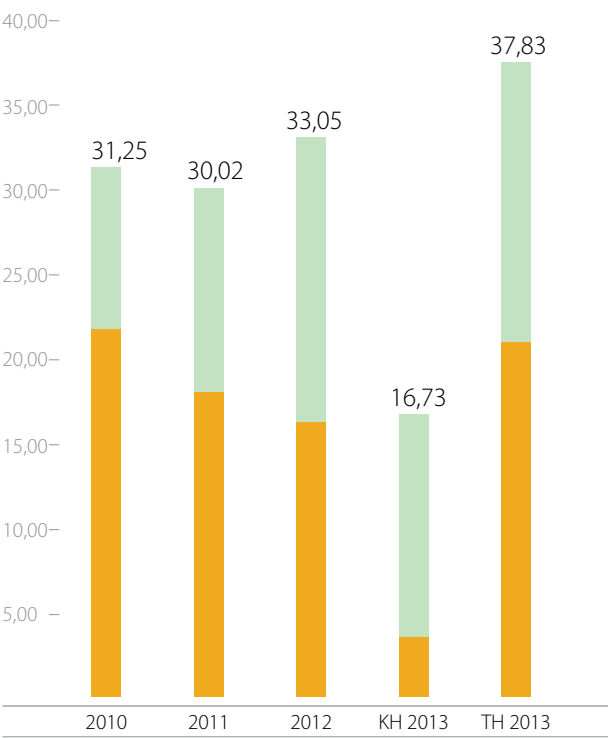
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TÍNH ĐẾN 31/12/2013

Năm	2010	2011	2012	TH2013	KH2013
BÁO CÁO LÃI LỖ (triệu đồng)					
Tổng doanh thu **	377.509	424.271	343.903	429.370	386.738
Lợi nhuận trước thuế	31.250	30.020	33.049	37.830	16.729
Lợi nhuận sau thuế	26.109	22.763	25.074	26.220	12.547
CỔ TỨC (đồng/cổ phiếu)					
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu	3.080	2.685	2.958	3.093	1.480
Trả cổ tức (đồng/cổ phiếu)***	1.500	1.500	1.500	900	900
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)					
Vốn điều lệ	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
Vốn chủ sở hữu	152.747	168.974	176.836	184.983	168.524
Tổng tài sản	203.383	231.843	232.646	306.320	238.224
Tổng nợ phải trả	50.635	62.869	55.810	121.337	69.700
Trong đó nợ dài hạn:	156	156	156	156	156
Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu (đồng/cp)	18.018	19.932	20.859	21.820	19.879
Chỉ số tài chính (%)					
Thu nhập sau thuế/ vốn góp (EAT/Owner's holder)	30,72%	26,78%	29,50%	30,85%	14,76%
Thu nhập sau thuế/ Tổng TS ROA (EAT/TA)	12,84%	9,82%	10,78%	8,56%	5,27%
Thu nhập sau thuế/ Nguồn VCSH (EAT/Owner's fund)	17,09%	13,47%	14,18%	14,17%	7,45%
Thu nhập trước thuế/ Doanh thu EBT/Revenue	8,28%	7,08%	9,61%	8,67%	4,33%
Thu nhập trước thuế/ Nguồn vốn. EBT/OF	20,46%	17,77%	18,69%	20,45%	9,93%
Nợ/Nguồn VCSH Debt/OF	33,15%	37,21%	31,56%	65,59%	41,36%



BIỂU ĐỒ CHỈ TIÊU TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ QUA CÁC NĂM

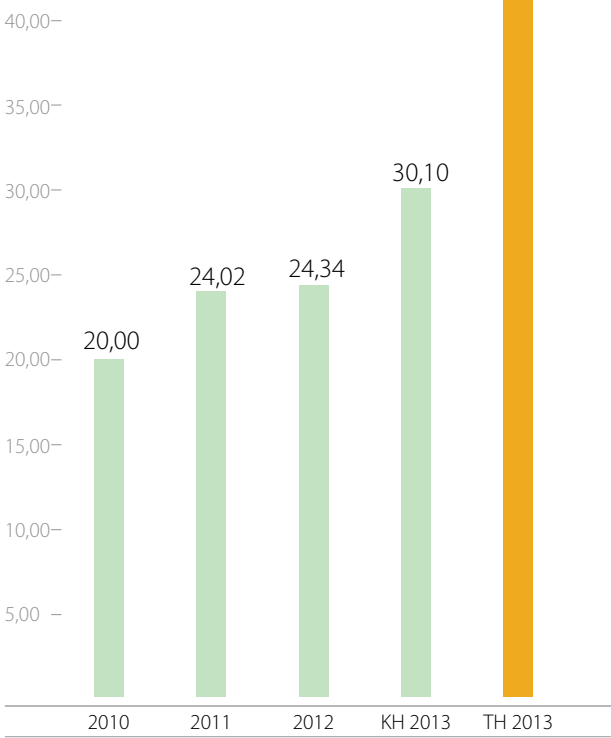
ĐVT: Tỷ đồng



LN từ tài chính + khác LN từ sản xuất kinh doanh

BIỂU ĐỒ TÌNH HÌNH NỢNGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA CÁC NĂM

ĐVT: Tỷ đồng





CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ BAN HÀNH:

Trong năm 2013 Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã tiến hành họp 03 lần và 18 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị và đã ban hành tổng cộng 23 Nghị quyết để chỉ đạo các hoạt động của Công ty về nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề về chủ trương chính sách của CDBECO qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có các thành viên của Ban Kiểm soát tham dự với tư cách kiểm soát viên.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

Giám sát việc thực hiện các báo cáo và xây dựng kế hoạch SXKD của năm 2013 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua.

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ bản đảm bảo đạt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2013.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và Nghị quyết của HĐQT.

Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

Hội đồng Quản trị Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT định kỳ tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với Ban Điều hành và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT trực tiếp tại cuộc họp.

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chỉ đạo phân công tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 29/03/2014 theo quy định.

Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

(Thống kê các Nghị quyết ban hành trong năm 2013 của Hội đồng Quản trị)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT	11/01/2013	1 Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và chi trả cổ tức năm 2012, tỷ lệ 15%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 29/01/2013.
02	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	06/02/2013	1 Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ chuyên gia thẩm định (cho gói thầu đầu tư, mua sắm, lắp đặt máy đóng thùng Wrap-Around). 2 Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ chuyên gia thẩm định (cho gói thầu đầu tư thay thế thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm chai pet có gas).
03	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	21/03/2013	1 Dự thảo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Đón khách và đăng ký cổ đông Thủ tục tiến hành Đại hội Thông qua chương trình Các báo cáo của HĐQT và BKS Các tờ trình của HĐQT Bầu HĐQT và BKS Thông qua Nghị quyết Đại hội Bế mạc 2 Thanh lý tài sản cố định không còn sử dụng sau ngày kiểm kê 31/12/2011. Giao cho CT HĐQT ra Quyết định thanh lý.
04	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	08/4/2013	1 Thành lập Ban Quản lý dự án di dời của Dự án: “Di dời nhà máy cũ, xây dựng nhà máy mới, công suất 50 triệu lít/năm. HĐQT giao cho CT HĐQT ra Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án. 2 Thành lập Ban Quản lý dự án của Dự án: “Đầu tư thay thế đầu máy chiết - siết nắp lon”. HĐQT giao cho CT HĐQT ra Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án.
05	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	12/04/2013	1 HĐQT nhiệm kỳ mới phân công nhiệm vụ cho Ông Võ Văn Tân - Nguyên TGD, về tiền lương hưởng 70% mức lương của Q.TGD hiện hữu. 2 Thông qua báo cáo của HĐQT trong nhiệm kỳ II (2008 - 2012) và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ III (2013 - 2017), phần lợi nhuận còn lại của năm 2011 và 2012 sẽ đưa vào quỹ đầu tư phát triển trình Đại hội phê duyệt. Các chỉ tiêu KH năm 2013: Sản lượng tiêu thụ: 32 triệu lít Tổng doanh thu: 386,740 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 16,730 tỷ đồng Tổng chi phí: 370 tỷ đồng Cổ tức: 9%/vốn điều lệ 3 Trình Đại hội ủy quyền cho HĐQT chọn Công ty Kiểm toán tài chính cho năm 2013. 4 Báo cáo thù lao của HĐQT & BKS năm 2012 và đề xuất thù lao cho HĐQT & BKS năm 2013 như sau: CT HĐQT chuyên trách 45 triệu/tháng, các thành viên kiêm nhiệm là 7 triệu đồng/tháng, T.BKS 7 triệu đồng/tháng và các thành viên là 3,5 triệu đồng/tháng. 5 HĐQT tiếp tục triển khai Dự án “Đầu tư sản xuất nước giải khát, công suất 50 triệu lít/năm) và không thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 800 m³/ngày đêm mà chuyển sang lập đề án bảo vệ môi trường cho phù hợp với điều kiện hiện nay. 6 Công nợ Saigon Coop: Tiếp tục khiếu nại lên cấp có thẩm quyền để giải quyết. 7 Việc sửa đổi Điều lệ có liên quan đến Người đại diện theo pháp luật của Công ty, chuyển Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Chủ tịch HĐQT sang Tổng Giám đốc.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
06	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013)	26/04/2013	1 Thông qua báo cáo về công tác quản lý của HĐQT, hoạt động SXKD trong nhiệm kỳ II (2008 - 2012) và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ III (2013 - 2017). 2 Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2008 - 2012). 3 Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ III (2013 - 2017). Thành phần HĐQT: Ông Trần Đức Hòa Ông Hoàng Chí Thành Ông Võ Văn Thọ Ông Nguyễn Thanh Đức Thành phần BKS: Ông Dương Chí Hùng Ông Lý Minh Hoàng Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung 4 Công bố nhân sự điều hành của CDBECO: Ông Trần Đức Hòa - Chủ tịch HĐQT Ông Hoàng Chí Thành - Tổng giám đốc Công ty Ông Dương Chí Hùng - Trưởng ban Kiểm soát 5 Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính. 6 Thông qua báo cáo thù lao của HĐQT & BKS năm 2012 và đề xuất thù lao cho HĐQT & BKS năm 2013. Tổng mức thù lao Chủ tịch HĐQT và các thành viên kiêm nhiệm 2013 là 456.000.000 đồng. Tổng mức thù lao Chủ tịch HĐQT chuyên trách và các thành viên kiêm nhiệm là 336.000.000 đồng. Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát: 204.000.000 đồng. 7 Đại hội ủy quyền cho HĐQT chọn lựa Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty năm 2013.
07	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	16/7/2013	1. Bổ nhiệm Ông Võ Văn Thọ giữ chức vụ Giám đốc Điều hành Cung ứng - Đầu tư.
08	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	30/7/2013	1. CT HĐQT Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng con dấu Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
09	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	22/8/2013	1. Đề xuất chọn ngân hàng gửi tiền có kỳ hạn (NH Agribank An Phú là đơn vị để thực hiện hợp đồng tiền gửi). 2. HĐQT giao cho CT HĐQT ra Quyết định giải thể chi nhánh Vĩnh Long của Công ty.
10	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	06/9/2013	1. Bổ nhiệm Trưởng Phòng Kỹ thuật Công nghệ Chất lượng đối với Ông Vũ Văn Thi. 2. Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Kinh doanh đối với Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt.
11	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	12/9/2013	1. Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Nguyễn Kiến Quốc.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
12	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	30/9/2013	1. Về Quyết định xử lý truy thu thuế & phạt chậm nộp thuế theo kết luật của Thanh tra thuế. Tạm nộp số tiền truy thu thuế và tiền phạt chậm nộp thuế là 10.218.077.130 đồng, giao cho Ban Điều hành lập thủ tục khiếu nại lên các cấp: Cục thuế thành phố, Tổng cục thuế, Bộ Tài chính.
13	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	05/11/2013	1. CT HĐQT ra Quyết định ban hành Quy chế phân phối tiền lương của Công ty. 2. Phê duyệt giá bán sản phẩm mới Terrawa chai có dung tích 350 ml là 44.990 đồng/thùng 24 chai, pet 330 ml nước ngọt là 89.980 đồng/thùng 24 chai và bổ sung các thành viên trong Hội đồng giá bán hàng hóa và dịch vụ.
14	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	29/11/2013	1. Thay đổi Người đứng đầu chi nhánh tại khu công nghiệp Mỹ Phước III Bình Dương. Đề cử Ông Võ Văn Thọ - GĐ Điều hành Cung ứng - Đầu tư là người đứng đầu chi nhánh.
15	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT	04/12/2013	1. Giá bán sản phẩm nước uống đóng chai bình gallon 18,9 lít. Bình gallon 18,9 lít, giá bán 30.000 đồng (gồm thuế GTGT).
16	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	11/12/2013	1. Điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật năm 2014.
17	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	15/12/2013	1. Chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 và chi trả cổ tức năm 2013. Ngày nhận cổ tức: trước 31/12/2013, ngày chốt danh sách tham dự Đại hội 26/02/2014. Tạm trích cổ tức 9% tương ứng số tiền 7.629.876.000 đồng trong niên độ 2013, ghi nhận khoản phải trả cho cổ đông lớn SABECO và Công ty Tư vấn Đầu tư Mạo Hiểm theo đúng kế hoạch.
18	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	17/12/2013	1. Việc thay đổi mẫu logo trên chai thủy tinh 230 ml và chai 270 ml.
19	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	19/12/2013	1. CT HĐQT ra Quyết định ban hành quy định về định mức chi phí quản lý, chi tiêu nội bộ và công tác phí. 2. Sửa đổi bổ sung Quy chế mua hàng hóa và thanh toán (sửa đổi Điều 15.1 và 15.2). 3. Phê duyệt kết quả đấu thầu của gói thầu "Đầu tư mua sắm, lắp đặt máy đóng thùng Wrap - Around".
20	Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT	04/01/2014	1. Đầu tư kết, vỏ chai 230 ml và chai 270 ml Chai 230 ml: 1.500.000 chai = 6,64 tỷ Chai 270 ml: 500.000 chai = 2,74 tỷ Kết nhựa: 82.548 kết = 5,36 tỷ Hủy 18.000 chai 270 ml bị trầy, xước, cũ, không đúng logo và thay thế logo mới.
21	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT	07/01/2014	1. Chủ trương hủy chai kết rượu nhẹ. Thanh lý bán phế liệu 11.750 kết; xem xét các công nợ vỏ chai kết khách hàng mượn. 2. Ban hành Quy định về chính sách bán hàng năm 2014. (Ủy quyền cho TGD ra Quyết định ban hành).
22	Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT	14/01/2014	1. Điều chỉnh Quy định trả lương khoán cho CBCNV bán hàng (điểm b, c khoản 4.1, Điều 4; Điều 5, 6, 13, 14 và 15).

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
23	Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT	20/01/2014	1. Báo cáo về kết quả SXKD năm 2013 và dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2014. 2. Công tác đầu tư: 2.1 HĐQT giao cho BDH Công ty tiến hành thanh lý hợp đồng với đơn vị dịch vụ tư vấn (Foodtech). 2.2 HĐQT giao cho BDH Công ty thanh lý hợp đồng nguyên tắc với Công ty Hiệp Phúc. 2.3 Về dự án di dời tại KCN Mỹ Phước III - Bình Dương, HĐQT giao cho BDH phân tích, đánh giá, điểm mạnh điểm yếu tại các địa điểm: Long An, Tiền Giang, Bình Chánh, Củ Chi và Bình Dương để trình cho HĐQT thông qua trước khi đưa ra Đại hội biểu quyết. 2.4 Hợp đồng thuê đất tại 606 Võ Văn Kiệt. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 13/01/2012 và phân công cho thành viên HĐQT rà soát nội dung trình HĐQT xem xét trước khi trình ĐH biểu quyết thông qua việc lựa chọn nhà đầu tư bên ngoài để hợp tác. 2.5 HĐQT thống nhất không thực hiện dự án xử lý nước thải tại số 606 Võ Văn Kiệt. 2.6 Dự án khu đất 577 Hùng Vương - Quận 6. BDH sẽ đề xuất các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư bên ngoài trình HĐQT xem xét trình cổ đông biểu quyết thông qua việc lựa chọn nhà đầu tư bên ngoài để cùng hợp tác. 2.7 Dự án VP làm việc và trưng bày sản phẩm tại 280 Gò Dầu - Quận Tân Phú. Mời Công ty Kiểm toán AASCN và Công ty Thương mại Hà Nội để điều chỉnh dự toán, làm cơ sở quyết toán công trình. 2.8 Dự án khu đất số 101 đường số 19 - Hiệp Bình Chánh - Thủ Đức. CDBECO sẽ hợp tác với một số nhà đầu tư bên ngoài để khai thác tiềm năng theo phương án một phần kinh doanh và sử dụng một phần diện tích để giải quyết nhà ở cho CBCNV Quyết toán dự án đầu tư chai pet 2.000 chai/giờ. 3. Các vấn đề khác: 3.1. Thông qua chương trình Đại hội. 3.2. Đề xuất tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2014. 3.3. Phê duyệt nội dung tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của Công ty năm 2014. 3.4. Xây dựng chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, tầm nhìn 2025. 3.5. Ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014: 29/03/2014. 3.6. Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013.

Các Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	SỐ VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG
1	212/QĐ-HĐQT	15/01/2013	QĐ thôi chức vụ Trưởng Phòng Kho vận đối với Ông Trần Quan Dũng.
2	213/QĐ-HĐQT	17/01/2013	Quy định chính sách phân bổ giá trị chai kết và quản lý số lượng chai kết.
3	214/QĐ-HĐQT	17/01/2013	QĐ Điều chỉnh và bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật năm 2013.
4	215/QĐ-HĐQT	21/01/2013	QĐ Phê duyệt dự án: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ SXKD (Máy đóng thùng Wrap - Around).
5	216/QĐ-HĐQT	21/01/2013	QĐ Đầu tư thay thế thiết bị nâng cao năng lực sản xuất chai pet có gas.
6	217/QĐ-HĐQT	28/01/2013	QĐ Thành lập Ban Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2013.
7	218/QĐ-HĐQT	29/01/2013	QĐ Bổ sung Quỹ tiền lương năm 2012.
8	219/QĐ-HĐQT	18/02/2013	QĐ Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu (Wrap - Around).
9	220/QĐ-HĐQT	18/02/2013	QĐ Thành lập Tổ thẩm định (Wrap - Around).
10	221/QĐ-HĐQT	18/02/2013	QĐ Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu (SP chai pet có gas).
11	222/QĐ-HĐQT	18/02/2013	QĐ Thành lập Tổ chuyên gia thẩm định (SP chai pet có gas).
12	226/QĐ-HĐQT	27/03/2013	QĐ Thanh lý và tiêu hủy tài sản không còn sử dụng sau ngày kiểm kê 31/12/2011.
13	01/QĐ-HĐQT	26/04/2013	QĐ Bổ nhiệm Tổng Giám đốc đối với Ông Hoàng Chí Thành.
14	02/QĐ-HĐQT	26/06/2013	QĐ Phê duyệt kế hoạch đấu thầu (Wrap - Around).
15	03/QĐ-HĐQT	26/06/2013	QĐ Phê duyệt hồ sơ mời thầu (Wrap - Around).
16	04/QĐ-HĐQT	26/06/2013	QĐ Phê duyệt kế hoạch đấu thầu (SP chai pet có gas).
17	05/QĐ-HĐQT	26/06/2013	QĐ Phê duyệt hồ sơ mời thầu (SP chai pet có gas).
18	06/QĐ-HĐQT	16/07/2013	QĐ Bổ nhiệm GD Điều hành Cung ứng - Đầu tư đối với Ông Võ Văn Thọ.
19	08/QĐ-HĐQT	30/07/2013	QĐ Ban hành Quy định về quản lý con dấu Công ty.
20	11/QĐ-HĐQT	06/09/2013	QĐ Bổ nhiệm GD Điều hành Kinh doanh đối với Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt.
21	11A-QĐ-HĐQT	06/09/2013	QĐ Chuyển xếp lương GDĐH Kinh doanh.
22	12/QĐ-HĐQT	12/09/2013	QĐ Bổ nhiệm Kế toán trưởng.
22	12A-QĐ-HĐQT	12/09/2013	QĐ Chuyển xếp lương Kế toán trưởng.
23	13/QĐ-HĐQT	06/11/2013	QĐ Thành lập Hội đồng giá bán hàng hóa và dịch vụ.
24	14/QĐ-HĐQT	06/11/2013	QĐ Ban hành Quy chế phân phối tiền lương năm 2013.
25	15/QĐ-HĐQT	06/11/2013	QĐ Ban hành Quy định trả lương khoán cho CBCNV bán hàng.
26	16/QĐ-HĐQT	06/11/2013	QĐ về giá bán sản phẩm mới (Terrawa 350 ml và pet 330 ml nước ngọt).
27	19/QĐ-HĐQT	02/12/2013	QĐ để cử người đứng đầu chi nhánh Nhà máy NGK tại khu công nghiệp Mỹ Phước III, Bình Dương.
28	20/QĐ-HĐQT	04/12/2013	QĐ giá bán sản phẩm nước tinh khiết bình gallon 18,9 lít.
29	21/QĐ-HĐQT	12/12/2013	QĐ điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật năm 2014.
30	22/QĐ-HĐQT	17/12/2013	QĐ thay mẫu logo trên chai thủy tinh 230 ml và 270 ml.
31	23/QĐ-HĐQT	20/12/2013	QĐ Phê duyệt đơn vị trúng thầu (Wrap - Around).
32	24/QĐ-HĐQT	24/12/2013	QĐ Ban hành Quy định về định mức chi phí quản lý, chi tiêu nội bộ và công tác phí.

CÔNG TÁC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TỪ SAU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013.

-  Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) là đơn vị thực hiện tư vấn và kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2013 cho Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
-  Đã triển khai thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2013 cho cổ đông của CDBECO với tỷ lệ cổ tức là 9%, việc chi trả cổ tức sẽ thực hiện từ ngày 27/03/2014.
-  Đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới điều hành Công ty trong năm 2013 (theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2013 của Hội đồng Quản trị) và Tổng Giám đốc Công ty là Người đại diện theo pháp luật.



BAN KIỂM SOÁT VỚI TƯ CÁCH LÀ ĐẠI DIỆN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TRONG VIỆC GIÁM SÁT. TRONG NĂM 2013, CHÚNG TÔI NHẬN THẤY RẰNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH ĐÃ NỖ LỰC VÀ CỐ GẮNG RẤT NHIỀU TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, ĐEM LẠI LỢI ÍCH TỐI ĐA CHO CỔ ĐÔNG VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.

“ CHÚNG TÔI TƯƠNG HỢI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH SẼ TIẾP TỤC NỖ LỰC, ĐỒNG HÀNH ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2014 GIAO.

BÁO CÁO
CỦA

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trình báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động giám sát, thẩm định của Ban Kiểm soát năm 2013.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong năm 2013 gồm các thành viên sau:

- ♣ Ông Dương Chí Hùng - Trưởng ban
- ♣ Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Thành viên
- ♣ Ông Lý Minh Hoàng - Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013:

♣ Tham gia các cuộc họp

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có đại diện của Ban Kiểm soát tham dự, nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trao đổi, thảo luận ngay đối với các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm, có ý kiến. Các ý kiến thảo luận, góp ý của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định.

Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng Quản trị đã thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm

nhằm đạt được các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội ngày 26/4/2013.

Hội đồng Quản trị đã trao đổi, bàn bạc các phương án kinh doanh, các vấn đề trao đổi được phê duyệt khi có sự đồng thuận, nhất trí cao giữa các thành viên.

Ngoài ra, một số cuộc họp của Ban Điều hành về một số vấn đề quan trọng, Ban Kiểm soát cũng đã tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến và được Ban Điều hành ghi nhận.

♣ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013

Được ủy quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.

Qua kiểm tra xem xét, Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 (Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán đính kèm).



Thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

Ban Kiểm soát đã xem xét và thống nhất Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng Quản trị về các nội dung hoạt động của năm 2013 như sau:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.
- + Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, cổ tức thực hiện.
- + Việc thực hiện thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013.

Ban Kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực và kết quả của Ban Điều hành trong việc triển khai các chủ trương, quyết sách của Hội đồng Quản trị,

sâu sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời, góp phần đem lại hiệu quả hoạt động và lợi ích cao nhất cho công ty và cổ đông.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT.

Qua thực hiện công tác giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát nhận thấy trong năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương, tuy nhiên Công ty vẫn đạt lợi nhuận kinh doanh cao hơn và sản lượng đã tăng hơn so với năm 2012.

Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương lành mạnh, tình hình tài chính ổn định, công tác kế toán minh bạch, rõ ràng, hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đều đem lại lợi nhuận ổn định, đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho các cổ đông trong điều kiện tình hình kinh tế có nhiều khó khăn.

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát cũng đã giám sát việc thực hiện 19 Nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành. Các Nghị quyết, quyết định đều được công bố công khai, kịp thời theo quy định đến cho các cổ đông và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Ban Kiểm soát cũng đã có trao đổi và có ý kiến với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành về các vấn đề quan trọng đối với Công ty như: đầu tư thay thế máy móc thiết bị, vấn đề xử lý nước thải, vấn đề về việc truy thu thuế, tiền thuê đất và việc thực hiện di dời, đầu tư xây dựng nhà máy mới, cũng như việc triển khai các dự án tại các khu đất đến nay vẫn chưa thực hiện được, trong đó có những dự án đầu tư có chủ trương từ năm 2006 đến nay vẫn chưa thực hiện được với nhiều nguyên nhân trong đó tình hình kinh tế xã hội, chủ trương về quy hoạch của nhà nước, các thủ tục pháp lý phức tạp và kéo dài, ...

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014.

- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Tham gia ý kiến, góp ý tham mưu cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, đặc biệt là những vấn đề tiềm tàng, có khả năng ảnh hưởng, rủi ro đến hoạt động Công ty.

Ban Kiểm soát với tư cách là đại diện của các cổ đông trong việc giám sát, trong năm 2013 chúng tôi nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã nỗ lực và cố gắng rất nhiều trong công tác quản lý, điều hành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và đảm bảo quyền lợi của người lao động. Chúng tôi tin tưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực, đồng hành để đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2014 giao.



TRÊN CƠ SỞ KẾ HOẠCH 5 NĂM ĐÃ TRÌNH THÔNG QUA HĐQT SABECO VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2013 NGÀY 26/4/2013 (NHIỆM KỲ 2013 - 2017) CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:

Các chỉ tiêu	ĐVT: VNĐ				
	KH 2013	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017
Sản lượng tiêu thụ (lít)	32.002.561	33.602.689	35.282.824	37.752.621	40.395.305
Tổng doanh thu	386.737.771.971	425.411.549.168	480.715.050.560	548.015.157.638	635.679.582.860
Tổng chi phí	370.008.428.805	411.191.607.477	466.495.108.869	533.795.215.947	621.477.641.169
Lợi nhuận trước thuế	16.729.343.166	14.219.941.691	14.219.941.691	14.219.941.691	14.219.941.691
Tỷ lệ cổ tức (%)	9	8	8	8	8

QUA THỰC TẾ THỰC HIỆN NĂM 2013 VỚI CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHƯ TRÌNH BÀY TRÊN, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014 ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU:

Chỉ tiêu	ĐVT: VNĐ			
	KH 2013	TH 2013	KH 2014	% KH 14/TH 13
Sản lượng tiêu thụ (lít)	32.002.561	34.394.947	33.200.000	96,53%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	373.407.017.540	418.983.869.655	401.325.881.940	95,79%
Các khoản giảm trừ doanh thu	154.357.400	7.085.837.509		0,00%
Doanh thu thuần về BH & DV	373.252.660.140	411.898.032.146	401.325.881.940	97,43%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.729.343.166	37.827.252.179	18.827.340.813	49,77%
Chi phí thuế hiện hành	4.182.335.792	11.607.090.540	4.142.014.979	35,69%
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế	12.547.007.374	26.220.161.639	14.685.325.834	56,00%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.480	3.093	1.732	56,00%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	9	9	8	88,89%

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP NĂM 2014:

Chỉ tiêu	ĐVT: VNĐ			
	KH 2013	TH 2013	KH 2014	% KH 14/TH 13
Tổng doanh thu	386.737.771.971	436.456.288.926	416.850.881.940	95,51%
Doanh thu bán hàng hóa	373.407.017.540	418.983.869.655	401.325.881.940	95,79%
Doanh thu tài chính	11.130.754.431	13.071.886.924	13.525.000.000	103,47%
Doanh thu khác	2.200.000.000	4.400.532.347	2.000.000.000	45,45%



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

+25%

Doanh thu bán hàng và dịch vụ đạt 419 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2012

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO
TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP
VÀ CÁC PHÚC LỢI KHÁC



Chính sách đào tạo: Đào tạo nghiệp vụ an toàn vệ sinh thực phẩm, vận hành thiết bị nghiêm ngặt về ATLĐ cho 100% CBCNV có liên quan; hướng đến mỗi CBCNV được đào tạo ít nhất 1 lần năm.

Chính sách tiền lương, thu nhập:

Trả lương theo vị trí công việc, từng bước gắn với kết quả thực hiện công việc của từng CBCNV thông qua hệ thống đánh giá thực hiện công việc.



Chế độ phúc lợi khác: khen thưởng nhân dịp các sự kiện:

Ngày Lễ, Tết, hoàn thành kế hoạch SXKD; chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CBCNV thông qua chính sách BHYT toàn diện năm 2014.



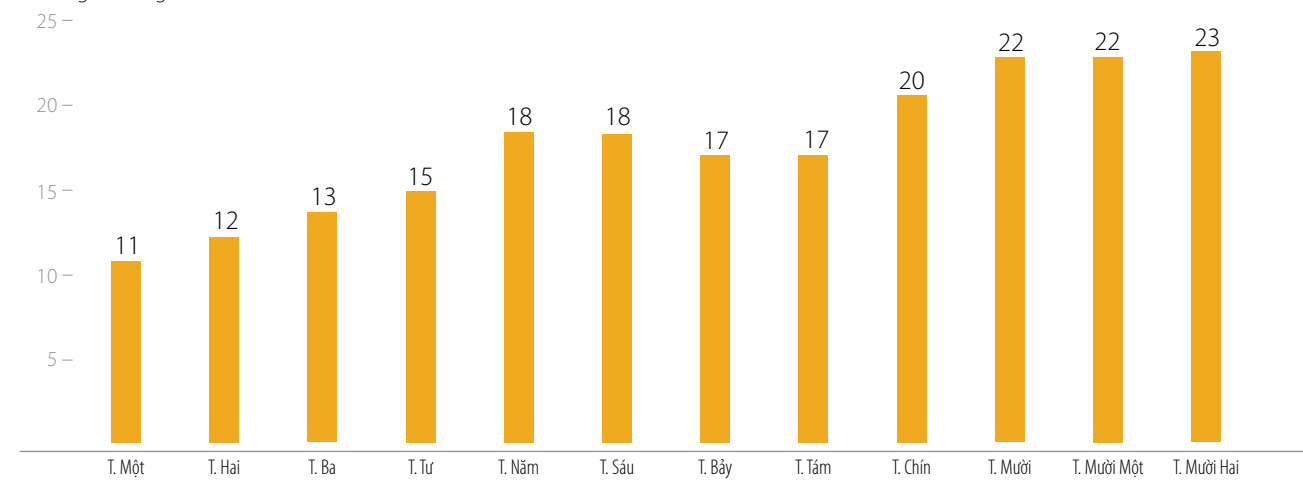
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



CHỈ SỐ GIÁ CHỨNG KHOÁN SCD BÌNH QUÂN QUA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2013:

(Tham chiếu giá đóng cửa Hose để tính giá đóng cửa bình quân)

ĐVT: Nghìn đồng



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN SCD TẠI 15/02/2014

1. Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO): 5.261.500 cổ phiếu, tỷ lệ 61,90%.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo Hiểm: 1.100.000 cổ phiếu, tỷ lệ: 12,94%.
3. Quỹ đầu tư Muatual Fund Elite (Phần Lan): 614.280 cổ phiếu, tỷ lệ: 7,25% (cổ phiếu đang lưu hành).
4. Cổ phiếu quỹ Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đang nắm giữ: 22.360 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,26%.
5. Tổ chức, Cá nhân trong nước, nước ngoài (trên dưới 1.000) nắm giữ: 1.501.860 cổ phiếu, tỷ lệ 17,67%.



MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

+14%

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 37,83 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2012

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội là những tiêu chí quan trọng của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế, Chương Dương đặt cao việc quản lý cũng như thực hiện hiệu quả trong các hoạt động an toàn, sức khỏe, môi trường và chất lượng là ưu tiên hàng đầu, đã đi vào trong văn hóa, đoàn thể của Công ty.

Theo yêu cầu của xã hội và sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, Công ty đặt ra các quy định, tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn để đảm bảo mọi hành động được thực hiện đúng với quy định pháp luật, đúng yêu cầu Công ty và tạo ra khuôn khổ chung hướng dẫn hành động cho toàn bộ CBCNV khi làm việc.

Các hoạt động cụ thể về an toàn, sức khỏe, môi trường, chất lượng và các hoạt động hướng đến cộng đồng:



Về công tác an toàn:

Công ty thực hiện việc kiểm soát, duy trì các công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhằm ngăn ngừa các yếu tố gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản của Công ty, tổn thất trong sản xuất.



Về sức khỏe của người lao động:

Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe và các hành động ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp. Chăm lo đời sống cho CBCNV trong công ty: thực hiện quy chế lương mới 2013.



Đối với môi trường xung quanh và môi trường làm việc:

Thực hiện kiểm soát, ngăn ngừa các yếu tố tác động đến môi trường, đảm bảo khu vực sản xuất - kho bãi an toàn vệ sinh, giảm sử dụng nguồn nguyên liệu từ hóa thạch nhằm bảo vệ môi trường cụ thể như: chuyển đổi không sử dụng dầu DO để sản xuất CO₂ qua mua CO₂ bên ngoài từ nguồn tận thu CO₂ trong quá trình vi sinh vật lên men sản xuất bia, rượu, cồn... cũng như hạn chế dùng dầu FO để đốt lò sinh hơi quá nhiệt bằng việc mua hơi từ đơn vị bên ngoài đi từ giải pháp đốt lò bằng phế phẩm từ ngành chế biến gỗ.



Chất lượng sản phẩm:

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh nước giải khát.

- Kiểm soát 100% nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguyên vật liệu phù hợp với quy định nhà nước về an toàn thực phẩm.
- Kiểm soát 100% sản phẩm ra thị trường đạt chất lượng như công bố tại Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm TP. HCM thuộc Sở Y tế TP. HCM.
- Kiểm tra, kiểm soát, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.



Về trách nhiệm đối với người tiêu dùng:

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; quy trình sản xuất, trang thiết bị nhà xưởng, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.



Về hoạt động xã hội:

- Phát quà trung thu cho các em thiếu nhi nghèo tại các huyện của 2 tỉnh Tiền Giang và Long An.
- Cứu trợ đồng bào 3 xã tại Huyện Núi Thành - Quảng Nam bị thiên tai bão lụt trong cơn bão số 11 năm 2013.
- Hoạt động tại hội thi: "Tuổi trẻ Chương Dương học tập theo gương Bác" thu hút đông đảo CBCNV trong Công ty tham gia, tham gia hội thao giao lưu với các đơn vị trong Tổng công ty.
- Hoạt động tham gia trong các chương trình hội trợ của đoàn thanh niên.
- Những hình ảnh trong các hoạt động công tác xã hội nêu trên.





THƯỜNG XUYỀN QUÉT DỌN, LAU CHÙI SẠCH SẼ, TĂNG CƯỜNG THÔNG THOÁNG NHÀ XƯỞNG BẰNG GIÓ TỰ NHIÊN, XÂY DỰNG BÃI ĐẬU XE VÀ NỘI QUY DÀNH CHO CÁC LOẠI XE GIAO THÔNG RA VÀO CÔNG TY. BÊ TÔNG HÓA TOÀN BỘ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ ĐỂ GIẢM THIỂU BỤI, TĂNG CƯỜNG DIỆN TÍCH CÂY XANH TRONG CÔNG TY...



CÔNG TY ĐÃ ÁP DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỂ HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TỐT HƠN.

MÔI TRƯỜNG
VÀ

BẢO HỘ LAO ĐỘNG

MÔI TRƯỜNG:

- ♻️ **Nguồn phát sinh nước thải:** Bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và nước mưa. Hiện tại Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải.
- ♻️ **Nguồn phát sinh khí thải:** Phát sinh từ các phương tiện xe tải, xe nâng và lò hơi. Tuy nhiên, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi, còn các phương tiện hoạt động không nhiều và không tập trung vào cùng thời điểm và lại là nguồn di động nên ảnh hưởng nguồn này là không đáng kể. Hiện tại, Công ty áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm khí thải như sau:

Thường xuyên quét dọn, lau chùi sạch sẽ, tăng cường thông thoáng nhà xưởng bằng gió tự nhiên, xây dựng bãi đậu xe và nội quy dành cho các loại xe giao thông ra vào Công ty. Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ để giảm thiểu bụi, tăng cường diện tích cây xanh trong Công ty...

- ♻️ **Nguồn phát sinh nhiệt:** Chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành các máy móc trang thiết bị, nhiệt độ làm việc phát sinh trong phạm vi nhà xưởng chủ yếu từ nhiệt thừa phát sinh từ máy móc thiết bị, nhiệt thừa từ quá trình hàn, cắt và nhiệt thừa phát bức xạ nhiệt mặt trời xuyên qua mái tôn. Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối đa các yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và tạo

điều kiện để người lao động làm việc tốt hơn như: cải tạo nhà xưởng, sử dụng vật liệu chống nóng, cải tạo môi trường làm việc trong nhà xưởng, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết, trang bị thêm quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió...

- ♻️ **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy trong sản xuất và các hoạt động giao thông vận tải khác tại Công ty.

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được áp dụng tại Công ty: trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, bố trí máy móc trong dây chuyền hợp lý để tránh hiện tượng cộng hưởng

tiếng ồn, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

- ♻️ **Nguồn phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại:** Chất thải rắn của Công ty được thu gom, lưu trữ và xử lý theo đúng Nghị định 29/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: Gồm nhóm giấy, bao bì, gỗ, sắt phế liệu... Công ty bán lại cho các đơn vị có nhu cầu mua phế liệu về tái chế.

Chất thải nguy hại: Bao gồm giẻ lau, bao bì, bao tay bị nhiễm thành phần chất thải nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực, dầu nhớt... Công ty thực hiện lưu trữ đúng quy định và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

“

CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

TẤT CẢ CÔNG NHÂN ĐỀU ĐƯỢC ĐÀO TẠO CƠ BẢN VỀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH CÔNG NGHIỆP, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, LIÊN TỤC XEM XÉT VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TRONG NHÀ MÁY, ĐỊNH KỲ KIỂM TRA SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CÁC THIẾT BỊ ÁP LỰC.

⚠️ Nguy cơ cháy nổ: một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ tại nhà máy như: tàng trữ các loại hóa chất, dung môi, nhiên liệu không đúng quy định, tồn trữ các loại rác, bụi và các chất thải rắn có nguồn gốc từ cellulose trong khu vực sản xuất, đặc biệt là khu vực có tia lửa, sự cố về các thiết bị điện, phát sinh nhiệt dẫn đến cháy, tàng trữ và vận chuyển thành phẩm không đúng cách.

Biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại Công ty: trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC và lập phương án PCCC, thiết lập hệ thống báo cháy và bố trí thiết bị cứu hỏa trong toàn bộ Công ty như: bình cứu hỏa cầm tay, hệ thống máy bơm và bể chứa nước, kết hợp với lực lượng PCCC địa phương và lực lượng được tập huấn tại Công ty, giáo dục ý thức về PCCC và trang bị kỹ năng cho toàn CBCNV thông qua các đợt tập huấn, tuyên truyền...

⚠️ Nguy cơ tai nạn lao động: các nguyên nhân gây tai nạn lao động tại nhà máy: người lao động không tuân thủ nghiêm ngặt nội quy về an toàn lao động; sự bất cẩn về điện trong lúc vận hành máy móc thiết bị cơ khí.

Biện pháp phòng ngừa: tất cả công nhân đều được đào tạo cơ bản về vệ sinh an toàn lao động và công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, liên tục xem xét và cải thiện môi trường làm việc trong nhà máy, định kỳ kiểm tra sức khỏe người lao động và kiểm tra định kỳ các thiết bị áp lực.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

+65%

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 26 tỷ đồng, tăng 65% so với năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUƠNG DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

NỘI DUNG

- Thông tin về doanh nghiệp
- Báo cáo của Ban Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.	
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 1 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 4 năm 2013)
	Ông Hoàng Chí Thành	Chủ tịch (cho đến ngày 26 tháng 4 năm 2013)
	Ông Hoàng Chí Thành	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2013)
	Ông Lê Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2013)
	Ông Phạm Việt Bắc	Thành viên (cho đến ngày 26 tháng 4 năm 2013)
Ban Giám đốc	Ông Võ Văn Thọ	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2013)
	Ông Hoàng Chí Thành	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc Điều hành Sản xuất - Kỹ thuật
	Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Điều hành Tài chính
	Ông Võ Văn Thọ	Giám đốc Điều hành Cung ứng - Đầu tư
	Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	Giám đốc Điều hành Kinh doanh
Ban Kiểm soát	Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
	Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2013)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Chí Thành	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính năm tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Chí Thành
Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 2 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Công ty”) được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được Ban Giám đốc phê duyệt vào ngày 21 tháng 2 năm 2014. Báo cáo tài chính này bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 66 đến trang 90.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính cho thấy trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCĐN do Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bị ghi nhận thiếu 9.974.770.411 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16.797.165.890 đồng Việt Nam).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ để ngày 18 tháng 1 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán HCM3873
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2014

Đặng Quốc Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0620-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		260.050.690.663	188.626.449.500
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.396.510.072	48.194.287.941
111	Tiền		27.396.510.072	23.194.287.941
112	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	25.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		151.000.000.000	79.000.000.000
121	Đầu tư ngắn hạn	4	151.000.000.000	79.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		10.299.244.307	20.734.324.108
131	Phải thu khách hàng	5	8.133.378.247	19.365.687.405
132	Trả trước cho người bán		184.289.564	128.676.489
135	Các khoản phải thu khác	6	3.413.271.669	2.308.312.348
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.431.695.173)	(1.068.352.134)
140	Hàng tồn kho	7	40.501.463.620	39.694.899.859
141	Hàng tồn kho		40.502.541.620	40.366.642.723
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.078.000)	(671.742.864)
150	Tài sản ngắn hạn khác		853.472.664	1.002.937.592
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		219.609.083	496.443.322
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	65.996.013	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	567.867.568	506.494.270

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		46.268.980.490	44.019.513.611
210	Các khoản phải thu dài hạn		34.300.000	34.300.000
218	Phải thu dài hạn khác		34.300.000	34.300.000
220	Tài sản cố định		37.188.134.873	34.994.614.285
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	9.458.878.553	6.433.668.357
222	Nguyên giá		52.639.231.669	49.695.993.833
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(43.180.353.116)	(43.262.325.476)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	21.850.406.516	64.698.786
228	Nguyên giá		22.364.024.426	263.688.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(513.617.910)	(198.989.614)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	5.878.849.804	28.496.247.142
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.750.000.000	8.750.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	11	8.750.000.000	8.750.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		296.545.617	240.599.326
261	Chi phí trả trước dài hạn		58.332.750	2.386.459
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.212.867	222.212.867
268	Tài sản dài hạn khác		16.000.000	16.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		306.319.671.153	232.645.963.111

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		121.336.554.737	55.809.901.292
310	Nợ ngắn hạn		121.180.804.737	55.654.151.292
312	Phải trả người bán	12	45.712.665.917	21.718.019.724
313	Người mua trả tiền trước	13	8.175.689.214	89.882.910
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	17.093.948.193	5.875.718.365
315	Phải trả người lao động	15	14.139.785.962	6.537.326.029
316	Chi phí phải trả	16	22.128.971.813	16.275.938.345
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	3.216.575.828	3.046.530.129
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	5.547.318.391	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	5.165.849.419	2.110.735.790
330	Nợ dài hạn		155.750.000	155.750.000
333	Phải trả dài hạn khác	33(b)	155.750.000	155.750.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.983.116.416	176.836.061.819
410	Vốn chủ sở hữu		184.983.116.416	176.836.061.819
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	85.000.000.000	85.000.000.000
414	Cổ phiếu quỹ	21	(347.276.838)	(347.276.838)
417	Quỹ đầu tư phát triển	21	74.771.910.450	62.146.555.349
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.500.000.000	7.316.984.371
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	17.058.482.804	22.719.798.937
440	TỔNG NGUỒN VỐN		306.319.671.153	232.645.963.111

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại ngày 31.12.2013	Tại ngày 31.12.2012
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	29.058.979.976	22.936.979.000
Nợ khó đòi đã xử lý	2.177.520.282	2.177.520.282
Ngoại tệ các loại		
+ USD	715	40.155
+ EUR	497	497


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng


Hoàng Chí Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 2 năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng		418.983.869.655	333.989.749.640
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(7.085.837.509)	(6.958.762.350)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	23	411.898.032.146	327.030.987.290
11	Giá vốn hàng bán	24	(298.168.198.831)	(241.428.052.008)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		113.729.833.315	85.602.935.282
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	13.071.886.924	15.258.657.273
22	Chi phí tài chính	26	(47.765.390)	(49.972.185)
24	Chi phí bán hàng	27	(49.669.319.394)	(41.818.029.555)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(37.267.394.659)	(27.538.115.346)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		39.817.240.796	31.455.475.469
31	Thu nhập khác		4.400.532.347	1.613.471.194
32	Chi phí khác		(6.390.520.964)	(19.461.321)
40	(Lỗ)/Lợi nhuận khác	29	(1.989.988.617)	1.594.009.873
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.827.252.179	33.049.485.342
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(11.607.090.540)	(7.975.155.623)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.220.161.639	25.074.329.719
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.093	2.958


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng


Hoàng Chí Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 2 năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
01	Lợi nhuận trước thuế		37.827.252.179	33.049.485.342
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	10(a),10(b)	2.386.335.192	2.006.780.872
03	Các khoản dự phòng		5.239.996.566	438.678.433
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25	(887.628)	2.402.100
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.764.892.593)	(15.118.852.151)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		32.687.803.716	20.378.494.596
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		11.721.698.810	(1.301.671.884)
10	Tăng hàng tồn kho		(135.898.897)	(3.620.498.506)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		55.424.515.742	(10.249.217.728)
12	Giảm các chi phí trả trước		220.887.948	3.434.869.274
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.211.820.427)	(6.356.658.907)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh		712.404.000	863.476.200
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.666.335.548)	(1.517.307.790)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.753.255.344	1.631.485.255
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(4.881.178.092)	(4.068.409.883)
23	Chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(151.000.000.000)	(79.000.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		79.000.000.000	10.041.955.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.040.873.655	11.252.433.401
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(64.840.304.437)	(61.774.021.482)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.711.468.750)	(12.716.460.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(12.711.468.750)	(12.716.460.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.201.482.157	(72.858.996.227)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	48.194.287.941	121.053.284.168
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi		739.974	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	57.396.510.072	48.194.287.941

Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

www.cdbeco.com.vn

Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng

Hoàng Chí Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 2 năm 2014



1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 1 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 108/GPNY-SGDCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống, kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 378 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 396 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Công ty nhận được Công văn số 16709/BTC-TCDN do Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc.

Ảnh hưởng của việc áp dụng Công văn này trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản dự phòng trợ cấp thôi việc số tiền là 9.974.770.411 đồng Việt Nam không được ghi nhận (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16.797.165.890 đồng Việt Nam).

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Nhà xưởng và máy móc	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Phần mềm máy tính	3 - 10
Nhãn hiệu hàng hóa	10

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm và sẽ bắt đầu khấu hao khi đưa vào sử dụng.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là các công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng.

2.11 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.13 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Khi mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành của Công ty (cổ phiếu quỹ), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được tái phát hành. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán đi hoặc tái phát hành, số tiền nhận được trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán đi hoặc tái phát hành được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu.

2.17 Phương pháp trích lập các quỹ

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác. Quỹ được trích tối đa là 5% của lợi nhuận sau thuế mỗi năm và số dư không được vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này được trích tối thiểu là 10% của lợi nhuận sau thuế mỗi năm.

(c) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Quỹ được trích tối đa là 10% của lợi nhuận sau thuế mỗi năm và số dư không được vượt quá tổng quỹ lương của 3 tháng trước ngày trích quỹ.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tiền mặt	5.592.309	36.353.382
Tiền gửi ngân hàng	27.390.917.763	23.157.934.559
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	25.000.000.000
	57.396.510.072	48.194.287.941

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tính từ ngày gửi hưởng lãi suất 7%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tính từ ngày gửi	61.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày gửi	90.000.000.000	79.000.000.000
	151.000.000.000	79.000.000.000

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Bên thứ ba	8.133.378.247	19.365.687.405

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải thu cổ tức	649.805.000	974.463.750
Phải thu lãi ngân hàng	2.640.000.000	1.290.000.000
Phải thu khác	123.466.669	43.848.598
	3.413.271.669	2.308.312.348

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	1.261.930.918	-
Nguyên vật liệu	21.766.945.292	20.278.246.895
Công cụ, dụng cụ	41.831.125	46.490.766
Chi phí sản xuất dở dang	9.724.203	77.070.114
Thành phẩm	13.449.905.722	19.964.834.948
Hàng bán đang đi đường	3.972.204.360	-
	40.502.541.620	40.366.642.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.078.000)	(671.742.864)
	40.501.463.620	39.694.899.859

Biến động về dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu năm	671.742.864	496.204.166
Tăng dự phòng	-	181.642.578
Hoàn nhập dự phòng	(670.664.864)	(6.103.880)
Số cuối năm	1.078.000	671.742.864

8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thuế nhập khẩu	65.996.013	-

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tạm ứng cho nhân viên	299.577.000	285.370.600
Tài sản thiếu chờ xử lý	268.290.568	221.123.670
	567.867.568	506.494.270

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Nhà xưởng và máy móc VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.492.345.486	40.867.174.846	3.447.067.084	889.406.417	49.695.993.833
Mua trong năm	277.591.727	692.300.000	3.723.813.637	100.872.728	4.794.578.092
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10(c))	-	286.539.000	-	-	286.539.000
Xóa sổ (*)	(256.041.101)	(761.546.368)	(107.124.752)	(631.085.007)	(1.755.797.228)
Thanh lý	(15.023.680)	(367.058.348)	-	-	(382.082.028)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	4.498.872.432	40.717.409.130	7.063.755.969	359.194.138	52.639.231.669
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.392.390.473	36.685.494.654	2.475.734.035	708.706.314	43.262.325.476
Khấu hao trong năm	154.803.560	1.110.213.295	614.816.969	176.073.072	2.055.906.896
Xóa sổ (*)	(256.041.101)	(761.546.368)	(107.124.752)	(631.085.007)	(1.755.797.228)
Thanh lý	(15.023.680)	(367.058.348)	-	-	(382.082.028)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.276.129.252	36.667.103.233	2.983.426.252	253.694.379	43.180.353.116
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.099.955.013	4.181.680.192	971.333.049	180.700.103	6.433.668.357
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.222.743.180	4.050.305.897	4.080.329.717	105.499.759	9.458.878.553

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 37.292.577.834 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 37.373.706.743 đồng Việt Nam).

(*) Đây là điều chỉnh xóa sổ TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng có nguyên giá dưới 30 triệu đồng. Theo thông tư 45/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, những TSCĐ này không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VNĐ	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	-	263.688.400	263.688.400
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh10(c))	21.077.917.500	104.000.000	934.218.526	22.116.136.026
Xóa sổ (**)	-	-	(15.800.000)	(15.800.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	21.077.917.500	104.000.000	1.182.106.926	22.364.024.426
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	-	198.989.614	198.989.614
Khấu hao trong năm	-	10.833.335	319.594.961	330.428.296
Xóa sổ (**)	-	-	(15.800.000)	(15.800.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	10.833.335	502.784.575	513.617.910
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	-	64.698.786	64.698.786
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	21.077.917.500	93.166.665	679.322.351	21.850.406.516

(*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành ngày 11 tháng 6 năm 2012. Quyền sử dụng đất này chưa được khấu hao do Công ty chưa đưa vào sử dụng.

(**) Đây là điều chỉnh để xóa sổ TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng có nguyên giá dưới 30 triệu đồng. Theo thông tư 45/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, những TSCĐ này không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu năm	28.496.247.142	27.306.891.804
Tăng	86.600.000	1.189.355.338
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh10(a))	(286.539.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh10(b))	(22.116.136.026)	-
Xóa sổ	(301.322.312)	-
Số cuối năm	5.878.849.804	28.496.247.142

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi tiết gồm:

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Quyền sử dụng đất tại Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3	2.408.250.000	23.486.167.500
Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Phú	90.909.091	90.909.091
Phần mềm kế toán	-	934.218.526
Chi phí di dời nhà máy Nước Giải Khát Chương Dương	322.593.180	623.915.492
Chi phí xây dựng văn phòng trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Quận Tân Phú	2.949.766.104	2.874.166.104
Chi phí đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài	107.331.429	200.331.429
Chi phí hệ thống xử lý khí thải	-	286.539.000
	5.878.849.804	28.496.247.142

11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31.12.2013			31.12.2012		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	% sở hữu
Đầu tư cổ phiếu						
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Sabeco	225.000	2.250.000.000	6%	225.000	2.250.000.000	6%
Công ty cổ phần bia Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	650.000	6.500.000.000	6%	650.000	6.500.000.000	6%
		8.750.000.000			8.750.000.000	

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Bên thứ ba	43.074.517.037	18.867.791.979
Bên liên quan (Thuyết minh33(b))	2.638.148.880	2.850.227.745
	45.712.665.917	21.718.019.724

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Bên thứ ba	8.175.689.214	89.882.910

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	847.893.565	672.940.552
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	19.006.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.563.306.235	5.168.036.122
Thuế thu nhập cá nhân	8.270.693	13.558.051
Thuế tài nguyên	2.701.200	2.177.640
Thuế nhà đất	9.671.776.500	-
	17.093.948.193	5.875.718.365

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12, tiền lương tháng 13 và thưởng dựa trên kết quả công việc năm 2013 phải trả cho nhân viên.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí bốc xếp vận chuyển	4.029.298.436	3.886.999.191
Chi phí thưởng nhân viên	2.247.329.663	-
Chi phí thuê và quản lý đất	1.349.936.000	6.177.796.000
Chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí khuyến mãi	13.506.009.081	5.950.700.505
Chi phí khác	996.398.633	260.442.649
	22.128.971.813	16.275.938.345

17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	265.053.814	197.691.746
Kinh phí công đoàn	48.451.246	127.590.700
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.442.456	9.442.456
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.577.706.000	2.177.980.000
Cổ tức phải trả	230.821.250	225.830.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	85.101.062	307.995.227
	3.216.575.828	3.046.530.129

18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Số dư thể hiện khoản dự phòng phải trả cho tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2011 theo kết luận của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cho đợt thanh tra thuế năm 2013.

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Số đầu năm	2.110.735.790	647.460.608
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.356.647.042	2.507.432.972
Sử dụng	(2.301.533.413)	(1.044.157.790)
Số cuối năm	5.165.849.419	2.110.735.790

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2013 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2012 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2013		31.12.2012	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	5.261.500	62	4.335.000	51
Các cổ đông khác	3.238.500	38	4.165.000	49
	8.500.000	100	8.500.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013	85.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư, phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	85.000.000.000	(347.276.838)	199.530.700	59.416.909.510	7.577.080.285	17.127.790.459	168.974.034.116
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	25.074.329.719	25.074.329.719
Giảm trong năm	-	-	(199.530.700)	-	(1.513.812.400)	-	(1.713.343.100)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	2.729.645.839	-	(2.729.645.839)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	1.253.716.486	(1.253.716.486)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.507.432.972)	(2.507.432.972)
Trích thưởng cho ban điều hành và nhân viên do lợi nhuận vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	(275.065.944)	(275.065.944)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	85.000.000.000	(347.276.838)	-	62.146.555.349	7.316.984.371	22.719.798.937	176.836.061.819
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	26.220.161.639	26.220.161.639
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển bổ sung năm 2012	-	-	-	10.003.338.937	-	(10.003.338.937)	-
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	2.622.016.164	-	(2.622.016.164)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	1.183.015.629	(1.183.015.629)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.356.647.042)	(5.356.647.042)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	85.000.000.000	(347.276.838)	-	74.771.910.450	8.500.000.000	17.058.482.804	184.983.116.416

Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 22.360 cổ phiếu, tương đương 347.276.838 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 22.360 cổ phiếu, tương đương 347.276.838 đồng Việt Nam).

(*) Trong năm 2013, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2012 ở mức 15%.

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013	31.12.2012
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	26.220.161.639	25.074.329.719
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.477.640	8.477.640
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.093	2.958

23 DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	418.983.869.655	333.989.749.640
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	7.040.945.109	6.628.147.821
Hàng bán bị trả lại	44.346.000	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	546.400	330.614.529
	7.085.837.509	6.958.762.350
	411.898.032.146	327.030.987.290

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	298.838.863.695	241.252.513.310
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(670.664.864)	175.538.698
	298.168.198.831	241.428.052.008

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	11.766.604.905	10.475.213.713
Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	-	2.901.955.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.299.610.000	1.741.683.438
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.784.391	139.805.122
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	887.628	-
	13.071.886.924	15.258.657.273

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	47.765.390	67.387.300
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	2.402.100
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(19.817.215)
	47.765.390	49.972.185

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí lương	12.347.192.410	10.136.266.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.701.732	271.544.226
Chi phí quảng cáo	7.082.544.616	1.617.108.866
Chi phí hỗ trợ bán hàng	18.658.734.764	16.194.026.514
Chi phí vận chuyển	7.930.540.091	8.052.665.713
Chi phí bao bì, chai kết	377.518.459	3.484.634.995
Chi phí khác	2.842.087.322	2.061.782.749
	49.669.319.394	41.818.029.555

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí lương	11.283.917.634	10.100.647.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	836.634.174	331.025.784
Chi phí thù lao nhân sự chủ chốt	532.000.000	413.000.000
Chi phí trợ cấp thôi việc	3.882.341.861	3.963.369.008
Chi phí thuê đất	11.468.041.040	6.202.796.000
Chi phí khác	9.268.459.950	6.527.276.591
	37.267.394.659	27.538.115.346

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Hỗ trợ vô lon	964.180.904	1.044.505.094
Tiền thu vỏ chai kết	141.375.189	-
Tiền thu thanh lý vật tư, phụ tùng	1.021.454.549	-
Tiền hỗ trợ quảng cáo	110.000.000	563.000.000
Tiền bồi thường đất (*)	2.048.982.716	-
Khác	114.538.989	5.966.100
	4.400.532.347	1.613.471.194
Chi phí khác		
Thanh lý vật tư, phụ tùng	(753.281.875)	-
Phạt vi phạm hành chính	(89.894.819)	(19.448.071)
Khác (Thuyết minh 18)	(5.547.344.270)	(13.250)
	(6.390.520.964)	(19.461.321)
(Chi phí)/thu nhập khác - Số thuần	(1.989.988.617)	1.594.009.873

(*) Đây là khoản bồi thường Công ty nhận được từ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long do thu hồi đất thuê.

30 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% quy định bởi Bộ Tài Chính hiện hành và được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.827.252.179	33.049.485.342
Thuế tính ở thuế suất 25%	9.456.813.045	8.262.371.336
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.141.419.995	148.205.147
Dự phòng thiếu của năm trước	333.760.000	-
Thu nhập không chịu thuế	(324.902.500)	(435.420.860)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.607.090.540	7.975.155.623
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	11.607.090.540	7.975.155.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	11.607.090.540	7.975.155.623

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	342.673.610.583	221.030.715.336
Chi phí nhân công	47.619.708.083	39.770.494.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.325.430.330	2.006.780.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.292.218.706	19.980.133.874
Chi phí bằng tiền khác	38.819.515.912	31.859.444.199
	459.730.483.614	314.647.568.792

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty ít chịu rủi ro từ các ngoại tệ do các giao dịch chủ yếu là từ đồng Việt Nam.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không phát sinh các khoản vay nào trong năm.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với số tiền là 48.929.241.745 đồng Việt Nam (2012: 24.764.549.853 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn do chiếm 62% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	5.638.373.238	7.779.729.430
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	162.800.000	-
	5.801.173.238	7.779.729.430
ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	532.000.000	413.000.000
iii) Hoạt động tài chính - trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	7.892.250.000	6.502.500.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Phải trả người bán (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	2.638.148.880	2.850.227.745
Phải trả dài hạn khác		
Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	155.750.000	155.750.000

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Doanh thu bán hàng thuần	411.621.674.519	323.407.956.275	3.623.031.015	411.898.032.146	327.030.987.290	
Giá vốn hàng bán	(297.915.731.453)	(238.022.894.227)	(3.405.157.781)	(298.168.198.831)	(241.428.052.008)	
Lợi nhuận gộp	113.705.943.066	85.385.062.048	217.873.234	113.729.833.315	85.602.935.282	

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
Dưới 1 năm	421.682.000	417.282.000
Từ 1 đến 5 năm	1.686.728.000	1.669.128.000
Trên 5 năm	15.334.237.500	15.594.966.082
	17.442.647.500	17.681.376.082

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 21 tháng 2 năm 2014.


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Hoàng Chí Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 2 năm 2014



TRỤ SỞ

606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM

ĐT : (08) 3836.7518 - Fax : (08) 3836.7176

Web : www.cdbeco.com.vn